

CÂU HỎI ÔN TẬP THI TRẮC NGHIỆM MÔN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Câu 1: Để đảm bảo nguyên tắc thống nhất trong việc xây dựng và áp dụng pháp luật thì cần phải:

- A. Tôn trọng tính tối cao của Hiến pháp và Luật
- B. Đảm bảo tính thống nhất của pháp luật
- C. Cả hai câu trên đều đúng
- D. Cả hai câu trên đều sai

Câu 2: Cấu thành của vi phạm pháp luật bao gồm:

- A. Giả định, quy định, chế tài.
- B. Chủ thể, khách thể.
- C. Mặt chủ quan, mặt khách quan.
- D. b và c.

Câu 3: Trong bộ máy nhà nước XHCN có sự:

- A. Phân quyền
- B. Phân công, phân nhiệm
- C. Phân công lao động
- D. Tất cả đều đúng

Câu 4: “Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính, do ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện của giai cấp thống trị và phụ thuộc vào các điều kiện, là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội”

- A. Bắt buộc – quốc hội – ý chí – chính trị
- B. Bắt buộc chung – nhà nước – lý tưởng – chính trị
- C. Bắt buộc – quốc hội – lý tưởng – kinh tế xã hội
- D. Bắt buộc chung – nhà nước – ý chí – kinh tế xã hội

Câu 5: Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự mang tính do ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị để điều chỉnh các

- A. Bắt buộc chung – nhà nước – quan hệ pháp luật
- B. Bắt buộc – nhà nước – quan hệ xã hội

NHÀ SÁCH THANH TRÚC
ĐC: Ký Túc Xá Đại Học Nông Lâm
ĐT: 0166.5766669

NHÀ SÁCH THANH TRÚC
ĐC: Ký Túc Xá Đại Học Nông Lâm
ĐT: 0166.5766669

ĐC: Ký Túc

ĐT: 0166

0166

C. Bắt buộc chung - quốc hội - quan hệ xã hội

D. Bắt buộc chung - nhà nước - quan hệ xã hội

Câu 6: Chế tài có các loại sau:

A. Chế tài hình sự và chế tài hành chính

B. Chế tài hình sự, chế tài hành chính và chế tài dân sự

C. Chế tài hình sự, chế tài hành chính, chế tài kỷ luật và chế tài dân sự

D. Chế tài hình sự, chế tài hành chính, chế tài kỷ luật, chế tài dân sự và chế tài bắt buộc

Câu 7: Tập quán pháp là:

A. Biến đổi những tục lệ, tập quán có sẵn thành pháp luật.

B. Biến đổi những thói quen hành xử của con người trong lịch sử thành pháp luật.

C. Biến đổi những quy phạm tôn giáo thành quy phạm pháp luật.

D. Cả a, b, c.

Câu 8: Cơ quan thường trực của Quốc hội là:

A. Hội đồng dân tộc

B. Ủy ban Quốc hội

C. Ủy ban thường vụ Quốc hội

D. Cả a, b, c đều đúng

Câu 9: Ông A vận chuyển gia cầm bị bệnh, bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và buộc phải tiêu hủy hết số gia cầm bị bệnh này. Đây là biện pháp chế tài:

A. Dân sự

B. Hình sự

C. Hành chính

D. Kỷ luật

Câu 10: "Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa, dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 10 triệu đến 100 triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm". Bộ phận giá định là:

A. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa về dịch vụ

Câu 5: Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự mang tính do ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị để điều chỉnh các

- A. Bắt buộc chung – nhà nước – quan hệ pháp luật
- B. Bắt buộc – nhà nước – quan hệ xã hội
- C. Bắt buộc chung – quốc hội – quan hệ xã hội
- D. Bắt buộc chung – nhà nước – quan hệ xã hội

Câu 6: Chế tài có các loại sau:

- E. Chế tài hình sự và chế tài hành chính
- F. Chế tài hình sự, chế tài hành chính và chế tài dân sự
- G. Chế tài hình sự, chế tài hành chính, chế tài kỷ luật và chế tài dân sự
- H. Chế tài hình sự, chế tài hành chính, chế tài kỷ luật, chế tài dân sự và chế tài bắt buộc

Câu 7: Tập quán pháp là:

- A. Biến đổi những tục lệ, tập quán có sẵn thành pháp luật.
- B. Biến đổi những thói quen hành xử của con người trong lịch sử thành pháp luật.
- C. Biến đổi những quy phạm tôn giáo thành quy phạm pháp luật.
- D. Cả a, b, c.

Câu 8: Cơ quan thường trực của Quốc hội là:

- A. Hội đồng dân tộc
- B. Ủy ban Quốc hội
- C. Ủy ban thường vụ Quốc hội
- D. Cả a, b, c đều đúng

Câu 9: Ông A vận chuyển gia cầm bị bệnh, bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và buộc phải tiêu hủy hết số gia cầm bị bệnh này. Đây là biện pháp chế tài:

- A. Dân sự
- B. Hình sự
- C. Hành chính
- D. Kỷ luật

Câu 10: "Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa, dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 10 triệu đến 100 triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm". Bộ phận giả định là:

- A. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa về dịch vụ
- B. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng
- C. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này
- D. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa, dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Câu 11: Tư cách thể nhân không được công nhận cho:

- A. Những người hiện diện trên lãnh thổ Việt Nam nhưng không mang quốc tịch Việt Nam
- B. Người chưa trưởng thành
- C. Người mắc bệnh Down
- D. Tất cả đều sai

Câu 12: Năng lực của chủ thể bao gồm:

- A. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi.
- B. Năng lực pháp luật và năng lực công dân
- C. Năng lực hành vi và năng lực nhận thức
- D. Năng lực pháp luật và năng lực nhận thức.

Câu 13: Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam có quyền:

- A. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng

B. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án TAND tối cao

C. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Viện trưởng VKSND tối cao.

D. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các Bộ trưởng

Câu 14. Một công ty xả chất thải ra sông làm cá chết hàng loạt, gây ô nhiễm nặng môi trường. Trách nhiệm pháp lý áp dụng đối với công ty này là:

A. Trách nhiệm hành chính. D. Trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự.

B. Trách nhiệm hình sự. C. Trách nhiệm hành chính và trách nhiệm dân sự.

Câu 15: Chọn nhận định sai:

A. Phó thủ tướng không nhất thiết phải là Đại biểu quốc hội

B. Năng lực pháp luật xuất hiện từ khi con người được sinh ra

C. Năng lực lao động xuất hiện từ khi công dân đủ 16 tuổi

D. Năng lực pháp luật là tiền đề của năng lực hành vi.

Câu 16: Trong quan hệ mua bán, khách thể là:

A. Quyền sở hữu căn nhà của người mua

B. Quyền sở hữu số tiền của người bán

C. Căn nhà, số tiền

D. a và b đúng

Câu 17: Quy định thường gặp trong pháp luật hành chính:

A. Quy định dứt khoát

B. Quy định tùy nghi

C. Quy định giao quyền

D. Tất cả đều sai

Câu 18. Quyền nào sau đây của Chủ tịch nước là quyền trong lĩnh vực tư pháp:

A. Công bố Luật, Pháp lệnh. B. Thực hiện các chuyến công du ngoại giao.

C. Tuyên bố tình trạng chiến tranh. D. Quyền ân xá.

Câu 19. Quyền công tố trước tòa là:

- A. Quyền truy tố cá nhân, tổ chức ra trước pháp luật.
- B. Quyền khiếu nại tố cáo của công dân.
- C. Quyền xác định tội phạm.
- D. Cả a, b, c.

Câu 20. Đảng lãnh đạo nhà nước thông qua:

- A. Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong từng thời kỳ.
- B. Tổ chức Đảng trong các cơ quan nhà nước.
- C. Đào tạo và giới thiệu những Đảng viên vào cơ quan nhà nước.
- D. Cả a, b, c.

Câu 21. Hội thẩm nhân dân khi tham gia xét xử, có quyền:

- A. Tham gia xét hỏi người tham gia tố tụng.
- B. Tham gia bàn luận với thẩm phán về phương hướng xét xử.
- C. Nghị án.
- D. Cả a, b, c.

Câu 22. Cơ quan nhà nước nào sau đây là cơ quan giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của nhà nước ta:

- A. Bộ Quốc phòng.
- B. Bộ Ngoại giao.
- C. Bộ Công an.
- D. Cả a, b, c.

Câu 23. Quy phạm pháp luật Dân sự như sau: "Việc kết hôn phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mọi hình thức kết hôn khác đều không có giá trị về mặt pháp lý" Bao gồm:

- A. Giả định.
- B. Quy định.
- C. Quy định và chế tài.
- D. Giả định và quy định.

Câu 24: Cơ sở truy cứu trách nhiệm pháp lý là:

- A. Nhân chứng
- B. Vật chứng
- C. Vi phạm pháp luật
- D. a và b đúng.

Câu 25: Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có nhiệm kỳ mấy năm?

A. 4 năm

B. 5 năm

C. 6 năm

D. Tất cả đều sai.

Câu 26: Quyền bình đẳng, quyền tự do tín ngưỡng là:

A. Quyền chính trị

B. Quyền tài sản

C. Quyền nhân thân

D. Quyền đối nhân.

Câu 27: Việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp phải có:

A. Ít nhất 1/2 tổng số đại biểu tán thành

B. Ít nhất 2/3 tổng số đại biểu tán thành

C. Ít nhất 3/4 tổng số đại biểu tán thành

D. Tất cả đều sai.

Câu 28: Thỏa ước lao động tập thể là thỏa thuận giữa tập thể người lao động với người sử dụng lao động về điều kiện lao động và sử dụng lao động, quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên trong quan hệ lao động.

A. Bằng văn bản

B. Bằng miệng

C. Cả a và b đều đúng

D. Cả a và b đều sai

Câu 29: Đối tượng điều chỉnh của luật dân sự là:

A. Các quan hệ vật chất

B. Các quan hệ tài sản

C. Các quan hệ nhân thân phi tài sản

D. Cả câu b và c

Câu 30: Phương pháp điều chỉnh của ngành luật lao động là:

A. Quyền uy, mệnh lệnh

B. Quyền uy, thỏa thuận

C. Thỏa thuận, mệnh lệnh

D. Tất cả đều sai

Câu 31. Pháp lệnh là một loại văn bản pháp luật do cơ quan nào sau đây ban hành:

A. Quốc hội.

B. Ủy ban thường vụ Quốc hội.

C. Chính phủ.

D. Cả a, b, c.

Câu 32: Tính giai cấp của pháp luật thể hiện ở chỗ

A. Pháp luật là sản phẩm của xã hội có giai cấp.

B. Pháp luật là ý chí của giai cấp thống trị.

C. Pháp luật là công cụ để điều chỉnh các mối quan hệ giai cấp.

D. Cả a, b, c.

Câu 33: Trường hợp nào sau đây là hành vi vi phạm pháp luật

A. Một người tâm thần thực hiện hành vi giết người.

B. Một người 14 tuổi điều khiển xe máy không bằng lái.

C. Một người thuê mướn trẻ em dưới 15 tuổi làm việc.

D. Cả a, b, c.

Câu 34. Một thực khách đến quán ăn dùng bữa đã dựng xe trước cửa quán ăn. Vì khách này đã chủ quan không lấy thẻ giữ xe cũng như chất vấn chủ quán về trách nhiệm trông coi xe. Xe bị kẻ trộm lấy mất và người chủ quán thoái thác trách nhiệm. Trong trường hợp này người chủ quán:

A. Có lỗi cố ý trực tiếp.

B. Có lỗi cố ý gián tiếp.

C. Vô ý vì quá tự tin.

D. Không có lỗi.

Câu 35. A là người lái đò đã già yếu, công việc thường ngày của ông là đưa học sinh qua sông đi học. Hôm đó là ngày mưa lũ nên ông không làm việc, nhưng nhìn thấy lũ trẻ không được đến trường nên ông đánh liều đưa chúng qua sông. Sóng to làm đò bị lật làm chết nhiều học sinh. Hành vi khách quan trong cấu thành vi phạm pháp luật của ông A ở đây là:

a. Đưa người sang sông trong điều kiện mưa lũ.

b. Chở quá tải.

c. Hành vi góp phần dẫn đến cái chết của những đứa trẻ.

d. Cả a, b, c.

Câu 36: Hình thức nhà nước là cách tổ chức bộ máy quyền lực nhà nước và phương pháp thực hiện quyền lực nhà nước. Hình thức nhà nước được thể hiện chủ yếu ở khía cạnh; đó là

- A. 3 – hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ KT – XH
- B. 3 – hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị
- C. 3 – hình thức chuyên chính, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ KT – XH
- D. 3 – hình thức chuyên chính, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị

Câu 37: Các hình thức thực hiện pháp luật bao gồm:

- A. Tuân thủ pháp luật và thực thi pháp luật
- B. Tuân thủ pháp luật và áp dụng pháp luật
- C. Tuân thủ pháp luật, thực hiện pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật
- D. Tuân thủ pháp luật, thực thi pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật

Câu 38: Hình thức pháp luật là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của giai cấp mình lên thành pháp luật. Trong lịch sử loài người đã có hình thức pháp luật, đó là

- A. 4 – tập quán pháp, tiền lệ pháp, điều lệ pháp và Văn bản quy phạm pháp luật
- B. 3 – tập quán pháp, tiền lệ pháp, văn bản quy phạm pháp luật
- C. 2 – tập quán pháp và văn bản quy phạm pháp luật
- D. 1 – văn bản quy phạm pháp luật

Câu 39. Chính sách nào sau đây thuộc về chức năng đối nội của nhà nước:

- A. Tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.
- B. Tương trợ tư pháp giữa các quốc gia.
- C. Tăng cường các mặt hàng xuất khẩu công nghệ cao.

D. Cả a,b,c.

Câu 40. Năng lực lập di chúc là:

A. Minh mẫn, sáng suốt vào thời điểm lập di chúc. D. Cả a,b,c.

B. Có tài sản riêng hợp pháp. C. 18 tuổi trở lên.

Câu 41. Trường hợp nào sau đây không nằm trong các trường hợp được hưởng thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc?

A. Cha mẹ đã hết tuổi lao động. B. Vợ (chồng) đã hết tuổi lao động.

C. Con đã hết tuổi lao động.

D. Con chưa thành niên nhưng có khả năng tự kiếm sống.

Câu 42. Văn bản nào sau đây kết thúc quá trình điều tra trong tố tụng hình sự?

A. Quyết định khởi tố bị can. B. Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

C. Bản kết luận điều tra. D. Bản cáo trạng.

Câu 43. Hệ thống chính trị ở Việt Nam gồm:

A. Đảng cộng sản – đoàn thanh niên – mặt trận tổ quốc

B. Đảng cộng sản – nhà nước – mặt trận tổ quốc

C. Đảng cộng sản – nhà nước – các đoàn thể chính trị, xã hội

D. Đảng cộng sản và các đoàn thể chính trị, xã hội

Câu 44. Hành vi vi phạm pháp luật không thể là:

A. Một lời nói B. Một tư tưởng xấu xa

C. Một bất tác vi D. Cả a, b, c

Câu 45. Cấp xét xử nào là cao nhất trong tư pháp hình sự nước ta?

A. Giám đốc thẩm B. Tái thẩm

C. Phúc thẩm. D. Không có cấp cao nhất.

Câu 46 Một công ty xả chất thải ra sông làm cá chết hàng loạt, gây ô nhiễm nặng môi trường. Trách nhiệm pháp lý áp dụng đối với công ty này là:

- A. Trách nhiệm hành chính.
- B. Trách nhiệm hình sự.
- C. Trách nhiệm hành chính và trách nhiệm dân sự.
- D. Trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự.

Câu 46. Nhà nước là một bộ máy do lập ra để duy trì việc thống trị về kinh tế, chính trị, tư tưởng đối với

- A. Quản lý – giai cấp thống trị – toàn xã hội
- B. Quản lý – giai cấp thống trị – một bộ phận người trong xã hội
- C. Quyền lực – giai cấp thống trị – một bộ phận người trong xã hội
- D. Quyền lực – giai cấp thống trị – toàn xã hội

Câu 47: Một người thợ sửa xe gian manh đã cố tình sửa phanh xe cho một ông khách một cách gian dối, cầu thả; với mục đích là để người khách này còn tiếp tục quay lại tiệm anh ta để sửa xe. Do phanh xe không an toàn nên sau đó chiếc xe đã lao xuống dốc gây chết vị khách xấu số. Trường hợp trách nhiệm pháp lý ở đây là:

- A. Trách nhiệm hành chính.
- B. Trách nhiệm hình sự.
- C. Trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự.
- D. Trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự.

Câu 48: Sử dụng lại tình huống của câu 29, lỗi của người thợ sửa xe ở đây là:

- A. Cố ý trực tiếp.
- B. Cố ý gián tiếp.
- C. Vô ý do cầu thả
- D. Vô ý vì quá tự tin.

Câu 49: Một người dùng súng bắn đạn hơi vào rừng săn thú. Trong lúc sơ suất đã bắn nhầm một nhân viên kiểm lâm. Mặt chủ quan trong vi phạm pháp luật này là:

- A. Cố ý gián tiếp.
- B. Vô ý vì quá tự tin.

C. Vô ý do câu hỏi

D. Có ý trực tiếp

Câu 50: Nhà nước có mấy đặc trưng đó là:

A. 2 – tính xã hội và tính giai cấp

B. 3 – quyền lực công cộng, chủ quyền quốc gia và đặt ra pháp luật

C. 4 – quyền lực công cộng, chủ quyền quốc gia, thu thuế và đặt ra pháp luật

D. 5 – quyền lực công cộng, chủ quyền quốc gia, thu thuế, đặt ra pháp luật và tính giai cấp

Câu 51: Việc UBND Hà Nội ra quyết định yêu cầu quận Hoàng Mai tổ chức lấy ý kiến nhân dân về việc mở rộng địa giới hành chính Tp Hà Nội là hình thức sử dụng pháp luật nào?

A. Tuân thủ pháp luật

B. Thi hành pháp luật

C. Sử dụng pháp luật

D. Áp dụng pháp luật

Câu 52: Phương pháp điều chỉnh của ngành Luật hình sự là:

A. Thương lượng

B. Mệnh lệnh

C. Quyền uy

D. Thỏa thuận, thương lượng

Câu 53: Ủy ban thường vụ Quốc hội là cơ quan:

A. Đại diện Quốc hội.

B. Thường trực của Quốc Hội.

C. Thư ký của Quốc hội.

D. Cả a, b, c.

Câu 54: A từng có tiền án về tội cướp giật tài sản, A ăn trộm của B con gà trị giá 50.000 đ. Vậy A phải chịu loại trách nhiệm pháp lý nào sau đây:

A. Hành chính

B. Dân sự

C. Hình sự

D. Kỷ luật

Câu 55: Quan hệ về bảo hiểm xã hội là đối tượng điều chỉnh của:

A. Ngành Luật lao động

B. Ngành luật hành chính

C. Ngành luật dân sự

D. Ngành luật kinh tế

Câu 56: Độ tuổi tối thiểu mà bạn có thể tham gia ứng cử đại biểu quốc hội nước CHXHCN Việt Nam là:

A. 18 tuổi

B. 20 tuổi

C. 21 tuổi

D. 35 tuổi

Câu 57: Hình thức pháp luật xuất hiện sớm nhất và được sử dụng nhiều trong các nhà nước chủ nô và nhà nước phong kiến là

A. Tiên lệ pháp

B. Điều lệ pháp

C. Tập quán pháp

D. Văn bản quy phạm pháp luật

Câu 58: Một người bán quán lẩu, sử dụng bếp gas để bàn cho khách sử dụng. Do để tiết kiệm chi phí, người chủ quán đã sử dụng bình gas mini không đảm bảo an toàn. Hậu quả là bình gas phát nổ, gây bỏng nặng cho thực khách. Lỗi ở đây là:

A. Cố ý trực tiếp.

B. Cố ý gián tiếp.

C. Vô ý do cầu thả.

D. Không có lỗi.

Câu 59: Sử dụng lại tình huống của câu 58, hành vi khách quan ở đây là:

A. Sử dụng bình gas không đảm bảo an toàn.

B. Không tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

C. Gây thương tích cho khách.

D. Không có hành vi khách quan.

Câu 60: Sử dụng lại tình huống của câu 58, các loại trách nhiệm pháp lý ở đây là:

A. Trách nhiệm hành chính.

B. Trách nhiệm hình sự.

C. Trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự.

D. Trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự.

Câu 61: Đối tượng của nghĩa vụ dân sự trong luật dân sự là:

A. Tài sản

B. Công việc phải làm

C. Công việc không được làm

D. Cả ba câu trên đều đúng

Câu 62: Hệ thống pháp luật gồm:

A. Hệ thống cấu trúc của pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

B. Quy phạm pháp luật, chế định pháp luật và ngành luật

C. Tập hợp hóa và pháp điển hóa

D. Tất cả đều sai

Câu 63. Vai trò của thuế là:

A. Điều tiết nền kinh tế.

B. Hướng dẫn tiêu dùng

C. Nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.

D. Cả a,b,c.

Câu 64. Quyết định là văn bản pháp luật được ban hành bởi?

A. Thủ tướng chính phủ.

B. Bộ trưởng.

C. Chủ tịch UBND.

D. Cả a,b,c.

Câu 65. Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất theo Hiến pháp 1992 là:

A. Chính phủ.

B. Quốc hội.

C. Chủ tịch nước.

C. Toà án nhân dân tối cao.

Câu 66. Quốc hội có quyền nào sau đây:

A. Truy tố cá nhân, tổ chức ra trước pháp luật.

B. Công bố Luật, pháp lệnh.

C. Ban hành các văn bản pháp luật.

D. Cả a,b,c.

Câu 67. Người nhận cầm cố tài sản có quyền gì đối với tài sản?

A. Quyền sở hữu

B. Quyền chiếm hữu

C. Quyền sử dụng

D. Quyền định đoạt

Câu 68. Khi tổng hợp nhiều bản án có hình phạt tù có thời hạn thì mức cao nhất là

A. 20 năm

B. 30 năm

C. 35 năm

D. 50 năm

Câu 69. yếu tố nào sau đây không thể hiện nội dung mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và sự thiệt hại của xã hội

A. Hành vi trái pháp luật là nguyên nhân trực tiếp

B. Sự thiệt hại của xã hội là kết quả tất yếu

C. Hậu quả của vi phạm pháp luật phù hợp với mục đích của chủ thể

D. Hành vi xảy ra trước sự thiệt hại

Câu 70. Khi người chết thuộc thế hệ thứ 2 thì người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là:

A. Vợ

B. Con

C. Bố mẹ nuôi

D. Bố mẹ đẻ

E. Tất cả đều đúng

Câu 71. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là

A. Không xác định được thời điểm kết thúc

B. Có thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng

C. Có thời hạn trên 36 tháng

D. Tất cả đều đúng

Câu 72. Giao dịch dân sự bị vô hiệu khi:

A. Vi phạm điều cấm của pháp luật

B. Tất cả đều đúng

C. Không tuân thủ quy định và hình thức

D. Cả a và c đúng

E. Một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng

Câu 73. Nội dung của trách nhiệm pháp lý thể hiện

- A. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia
- B. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm pháp lý
- C. Căn cứ truy cứu trách nhiệm pháp lý
- D. Việc chủ thể vi phạm pháp luật có nghĩa vụ gánh chịu hậu quả bất lợi

Câu 74. Thời hạn chuẩn bị xét xử đối với tội rất nghiêm trọng là

- A. 60 ngày
- B. 45 ngày
- C. 2 tháng
- D. 3 tháng

Câu 75. Đối tượng không thuộc trường hợp có thể áp dụng tạm giữ là người bị bắt khi

- A. Người phạm tội tự thú, đầu thú
- B. Trường hợp khẩn cấp
- C. Phạm tội quả tang
- D. Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng

Câu 76. Trong thời hạn 15 đến 30 ngày phải mở phiên toà xét xử được tính từ

- A. Ngày thẩm phán nhận được hồ sơ vụ án
- B. Ngày Viện kiểm sát chuyển hồ sơ sang toà án
- C. Ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử
- D. Ngày có quyết định truy tố

Câu 77. Hình phạt được áp dụng khi

- A. Bản án có hiệu lực pháp luật
- B. Chấp hành xong án phạt tù
- C. Thi hành xong án phạt tiền
- D. Được hưởng án treo

Câu 78. Việc xét lại bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị thuộc giai đoạn

- A. Xét xử tái thẩm
- B. Xét xử sơ thẩm
- C. Xét xử phúc thẩm
- D. Xét xử giám đốc thẩm

Câu 79. Trình tự tố tụng được sắp xếp theo thứ tự nào sau đây

- A. Điều tra - khởi tố - truy tố - xét xử
- B. Khởi tố - truy tố - điều tra - xét xử
- C. Truy tố - điều tra - khởi tố - xét xử
- D. Khởi tố - điều tra - truy tố - xét xử

Câu 80. Khi có những tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật sẽ được giải quyết theo trình tự:

- A. Giám đốc thẩm
- B. Tái thẩm
- C. Phúc thẩm
- D. Tất cả đều đúng

Câu 81. Năng lực pháp luật của pháp nhân chấm dứt khi pháp nhân:

- A. Không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng
- B. Bị giải thể
- C. Tất cả đều đúng
- D. Bị tuyên bố phá sản
- E. Cả b và c đúng

Câu 82. Quan hệ pháp luật hình thành do

- A. Ý chí của cá nhân tham gia quan hệ xã hội
- B. Ý chí của Nhà nước
- C. Ý chí của pháp nhân
- D. Ý chí của tổ chức xã hội

Câu 83. Một trong những điều kiện để di chúc bằng văn bản có người làm chứng có hiệu lực là

- A. Phải được công chứng, chứng thực
- B. Phải có một người làm chứng
- C. Phải đánh số từng trang
- D. Người làm chứng phải xác nhận chữ ký của người lập di chúc

Câu 84. Năng lực hành vi xuất hiện ở cá nhân khi

- A. Có khả năng nhận thức
- B. Được sinh ra
- C. Đạt đến độ tuổi nhất định
- D. Đạt đến độ tuổi nhất định và có khả năng nhận thức

Câu 85. Năng lực hành vi của pháp nhân xuất hiện

- A. Khi được cấp con dấu và mã số thuế
- B. Cùng với năng lực pháp luật
- C. Khi có quyết định thành lập pháp nhân
- D. Tất cả đều đúng

Câu 86. Sự biến pháp lý là những sự kiện thực tế:

- A. Không phản ánh ý chí của con người
- B. Phản ánh ý chí của con người
- C. Được pháp luật quy định
- D. Không phản ánh ý chí của con người và được pháp luật quy định

Câu 87. Hợp đồng dân sự được thể hiện qua hình thức

- A. Hợp đồng miệng
- B. Hợp đồng bằng văn bản không có công chứng, chứng thực
- C. Hợp đồng có công chứng, chứng thực
- D. Tất cả đều đúng

Câu 88. Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền xét xử

- A. Sơ thẩm vụ án hình sự có khung hình phạt đến chung thân hoặc tử hình
- B. Phúc thẩm bản án hình sự của tòa án nhân dân cấp quận huyện chưa có hiệu lực pháp luật
- C. Phúc thẩm bản án hình sự của tòa án nhân dân cấp tỉnh (thành phố) chưa có hiệu lực pháp luật
- D. Tất cả đều đúng

Câu 89. Trong bộ máy nhà nước ta, cơ quan quyền lực Nhà nước là?

- A. Chính phủ
- B. Chủ tịch nước
- C. Ủy ban nhân dân
- D. Quốc hội

Câu 90. Cơ quan hành chính Nhà nước trong bộ máy Nhà nước ta là:

A. Hội đồng nhân dân

B. Viện Kiểm sát nhân dân

C. Tòa án nhân dân

D. Bộ tư pháp

Câu 91. Hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng khi

A. Chấp hành xong án phạt tù

B. Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt là cảnh cáo

C. Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt là cải tạo không giam giữ

D. Từ ngày được hưởng án treo

E. Cả a,b,c,d đều đúng

Câu 92. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là

A. Không xác định được thời điểm kết thúc

C. Có thời hạn trên 36 tháng

B. Có thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng

D. Tất cả đều đúng

Câu 93. Hệ thống cơ quan xét xử hiện nay bao gồm

A. Tòa hình sự, Tòa dân sự và các Tòa khác

B. Tòa sơ thẩm và Tòa phúc thẩm

C. Tòa án nhân dân huyện (quận), tỉnh (thành phố), Tòa án nhân dân tối cao

D. Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân các cấp

Câu 94. Công dân có quyền ứng cử vào Quốc Hội và Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật khi

A. Đủ 21 tuổi

B. Đủ 20 tuổi trở lên

C. Đủ 16 tuổi trở lên

D. Đủ 18 tuổi trở lên

Câu 95. Chủ thể có tự do ý chí để lựa chọn cách thức xử sự phù hợp với ý chí của mình là dấu hiệu thuộc về

A. Năng lực pháp luật

B. Năng lực trách nhiệm pháp lý

C. Năng lực chủ thể

D. Năng lực hành vi

Câu 96. Người thừa kế tài sản là

A. Người đủ 18 tuổi vào thời điểm mở thừa kế

B. Người không có tài sản

C. Người còn sống vào thời điểm mở thừa kế

D. Là công dân Việt Nam

Câu 97. Phân chia thừa kế theo pháp luật khi

A. Phần tài sản không định đoạt theo di chúc

B. Người thừa kế chết trước hoặc chết chung thời điểm với người để lại thừa kế

C. Người thừa kế theo di chúc từ chối nhận di sản

D. Tất cả đều đúng

Câu 98. Người được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc là

A. Con chưa thành niên

B. Cháu đích tôn

C. Con trưởng

D. Con thứ

Câu 99. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân bị hạn chế khi

A. Không có khả năng nhận thức

B. Từ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi

C. Bị nghiện ma túy

D. Tất cả đều sai

Câu 100. Cá nhân không có năng lực hành vi dân sự khi

A. Nghiện rượu

B. Bị Tòa án tuyên bố

C. Bị mất trí

D. Chưa đủ 6 tuổi

Câu 101. Trục xuất là hình phạt chỉ áp dụng với

A. Người không có quốc tịch

B. Công dân Việt Nam

C. Người nước ngoài

D. Cả a và c đúng

Câu 102. Tử hình là hình phạt

- A. Tước quyền công dân của người phạm tội
- B. Tước quyền sống của người phạm tội
- C. Cách ly người phạm tội ra khỏi xã hội vĩnh viễn
- D. Tất cả đều đúng

Câu 103. Biện pháp cưỡng chế nào sau đây là hình phạt

- A. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn
- B. Cải tạo không giam giữ
- C. Án treo
- D. Tất cả đều đúng

Câu 104. Người được hưởng thừa kế

- A. Cháu (con của anh, chị người chết)
- B. của người chết
- C. Cháu nội, cháu ngoại của người chết
- D. Tất cả đều sai

Câu 105. Biện pháp cưỡng chế nào sau đây là hình phạt

- A. Phạt tiền
- B. Bắt tạm giam
- C. Đưa vào trường giáo dưỡng
- D. Tất cả đều sai

Câu 106. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, Thủ tướng Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam:

- A. Do nhân dân bầu
- B. Do Quốc hội bầu theo sự giới thiệu của Chủ tịch nước
- C. Do Chủ tịch nước giới thiệu
- D. Do Chính phủ bầu

=> B. Thủ tướng Chính phủ do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch nước. Thủ tướng phải là đại biểu Quốc hội

Câu 107. Quy định pháp luật về bầu cử của Việt Nam, ngoài các điều kiện khác, muốn tham gia ứng cử, phải:

- A. Từ đủ 15 tuổi
- B. Từ đủ 18 tuổi
- C. Từ đủ 21 Tuổi
- D. Từ đủ 25 tuổi

Câu 108. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong HTPL Việt Nam:

- A. Pháp lệnh
- B. Luật
- C. Hiến pháp
- D. Nghị quyết

Câu 109. Trong Tuyên ngôn ĐCS của C.Mác và Ph.Ăngghen viết: "Pháp luật của các ông chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật, cái ý chí mà nội dung là do các điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định".

Đại từ nhân xưng "các ông" trong câu nói trên muốn chỉ ai?:

- A. Các nhà làm luật
- B. Quốc hội, nghị viện
- C. Nhà nước, giai cấp thống trị
- D. Chính phủ

=> C. giai cấp thống trị

Câu 110. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, thì:

- A. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu toàn dân
- B. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu tư nhân
- C. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác vừa có quyền sử dụng, vừa có quyền sở hữu đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu tư nhân
- D. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác vừa có quyền sử dụng, vừa có quyền sở hữu đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu toàn dân

Câu 111. Lịch sử xã hội loài người đã và đang trải qua mấy kiểu pháp luật:

- A. 2 kiểu pháp luật
- B. 3 kiểu pháp luật
- C. 4 kiểu pháp luật
- D. 5 kiểu pháp luật

=> C. 4 kiểu trong đó có 3 kiểu có g/c thống trị & bị trị: chủ nô, phong kiến, tư sản + kiểu PL nhà nước XHCN

Câu 112. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, có mấy cấp xét xử:

A. 2 cấp

B. 3 cấp

C. 4 cấp

D. 5 cấp

Câu 113. Đạo luật nào dưới đây quy định một cách cơ bản về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội và tổ chức bộ máy nhà nước.

A. Luật tổ chức Quốc hội

B. Luật tổ chức Chính phủ

C. Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND

D. Hiến pháp

=> D. Hiến pháp

Câu 114. QPPL là cách xử sự do nhà nước quy định để:

A. Áp dụng trong một hoàn cảnh cụ thể.

C. Cả A và B đều đúng

B. Áp dụng trong nhiều hoàn cảnh.

D. Cả A và B đều sai

=> QPPL là những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung. ??? Chắc B.

Câu 115. Đặc điểm của các quy phạm xã hội (tập quán, tín điều tôn giáo) thời kỳ CXNT:

A. Thể hiện ý chí chung, phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng, thị tộc, bộ lạc; Mang tính manh mún, tản mạn và chỉ có hiệu lực trong phạm vi thị tộc - bộ lạc.

B. Mang nội dung, tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau, tính cộng đồng, bình đẳng, nhưng nhiều quy phạm xã hội có nội dung lạc hậu, thể hiện lối sống hoang dã.

C. Được thực hiện tự nguyện trên cơ sở thói quen, niềm tin tự nhiên, nhiều khi cũng cần sự cưỡng chế, nhưng không do một bộ máy chuyên nghiệp thực hiện mà do toàn thị tộc tự tổ chức thực hiện.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 116. Mỗi một điều luật:

A. Có thể có đầy đủ cả ba yếu tố cấu thành QPPL.

B. Có thể chỉ có hai yếu tố cấu thành QPPL

C. Có thể chỉ có một yếu tố cấu thành QPPL

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 117. Khẳng định nào là đúng:

A. Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL là nguồn của pháp luật Việt Nam.

B. Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL và tập quán pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

C. Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL và tiền lệ pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 118. Cơ quan nào có thẩm quyền hạn chế NLHV của công dân:

A. Viện kiểm sát nhân dân

B. Tòa án nhân dân

C. Hội đồng nhân dân; UBND

D. Quốc hội

=> ??? B. Chỉ có tòa án mới có thẩm quyền ra quyết định hạn chế năng lực hành vi của công dân.

Câu 119. Trong một nhà nước:

A. NLPL của các chủ thể là giống nhau.

B. NLPL của các chủ thể là khác nhau.

C. NLPL của các chủ thể có thể giống nhau, có thể khác nhau, tùy theo từng trường hợp cụ thể.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 120. Chức năng nào không phải là chức năng của pháp luật:

A. Chức năng điều chỉnh các QHXH

C. Chức năng bảo vệ các QHXH

B. Chức năng xây dựng và bảo vệ tổ quốc

D. Chức năng giáo dục

Câu 121. Các thuộc tính của pháp luật là:

A. Tính bắt buộc chung (hay tính quy phạm phổ biến) C. Cả A và B đều đúng

B. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức D. Cả A và B đều sai

Câu 122. Các thuộc tính của pháp luật là:

A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức C. Cả A và B đều đúng

B. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước D. Cả A và B đều sai

Câu 123. Việc tòa án thường đưa các vụ án đi xét xử lưu động thể hiện chủ yếu chức năng nào của pháp luật:

A. Chức năng điều chỉnh các QHXX B. Chức năng bảo vệ các QHXX

C. Chức năng giao dịch pháp luật D. Cả A, B và C đều sai

=> C. Để giáo dục răn đe hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 124. Xét về độ tuổi, người có NLHV dân sự chưa đầy đủ, khi:

A. Dưới 18 tuổi

B. Từ đủ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi

C. Từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi

D. Dưới 21 tuổi

Câu 125. Khẳng định nào là đúng:

A. Muốn trở thành chủ thể QHPL thì trước hết phải là chủ thể pháp luật

B. Đã là chủ thể QHPL thì là chủ thể pháp luật

C. Đã là chủ thể QHPL thì có thể là chủ thể pháp luật, có thể không phải là chủ thể pháp luật

D. Cả A và B

=> D. Chủ thể QHPL là những cá nhân đáp ứng được những điều kiện mà pháp luật qui định cho mỗi loại quan hệ pháp luật và tham gia vào QHPL đó. do đó A & B đều đúng

Câu 125. Cơ quan thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp:

A. Quốc hội

B. Chính phủ

C. Tòa án nhân dân

D. Viện kiểm sát nhân dân

Câu 125. Nguyên tắc chung của pháp luật trong nhà nước pháp quyền là:

A. Cơ quan, công chức nhà nước được làm mọi điều mà pháp luật không cấm; Công dân và các tổ chức khác được làm mọi điều mà pháp luật không cấm

B. Cơ quan, công chức nhà nước được làm những gì mà pháp luật cho phép; Công dân và các tổ chức khác được làm mọi điều mà pháp luật không cấm

C. Cơ quan, công chức nhà nước được làm mọi điều mà pháp luật không cấm; Công dân và các tổ chức khác được làm những gì mà pháp luật cho phép.

D. Cơ quan, công chức nhà nước được làm những gì mà pháp luật cho phép; Công dân và các tổ chức khác được làm những gì mà pháp luật cho phép.

Câu 126. Cơ quan nào có quyền xét xử tội phạm và tuyên bản án hình sự:

A. Tòa kinh tế

B. Tòa hành chính

C. Tòa dân sự

D. Tòa hình sự

Câu 127. Hình thức ADPL nào cần phải có sự tham gia của nhà nước:

A. Tuân thủ pháp luật

B. Thi hành pháp luật

C. Sử dụng pháp luật

D. ADPL

=> D. ADPL là hình thức thực hiện PL theo đó nhà nước thông qua cơ quan CBNN có thẩm quyền hoặc t/c xã hội được nhà nước trao quyền, tổ chức cho các chủ thể thực hiện quyền và nghĩa vụ do PL qui định.

Câu 128. Hoạt động áp dụng tương tự quy phạm là:

A. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó.

B. Khi có cả QPPL áp dụng cho trường hợp đó và cả QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

C. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó và không có QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

D. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó nhưng có QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

=> D. Chưa có quy phạm trực tiếp điều chỉnh & dựa trên nguyên tắc PL, quy phạm cho QHPL có nội dung tương tự

Câu 129. Nguyên tắc pháp chế trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước xuất hiện từ khi nào:

A. Từ khi xuất hiện nhà nước chủ nô B. Từ khi xuất hiện nhà nước phong kiến

C. Từ khi xuất hiện nhà nước tư sản D. Từ khi xuất hiện nhà nước XHCN

Câu 130. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 271, Bộ luật hình sự Việt Nam 1999; nếu tội phạm có khung hình phạt từ 15 năm trở xuống thì thuộc thẩm quyền xét xử của:

A. Tòa án nhân dân huyện

B. Tòa án nhân dân tỉnh

C. Tòa án nhân dân tối cao

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 131. Điều kiện để làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt một QHPL:

A. Khi có QPPL điều chỉnh QHXXH tương ứng

C. Khi xảy ra SKPL

B. Khi xuất hiện chủ thể pháp luật trong trường hợp cụ thể

D. Cả A, B và C

=> D. Điều kiện để làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt một QHPL dưới tác động của 3 yếu tố: QPPL, năng lực chủ thể, sự kiện pháp lý. SKPL đóng vai trò cầu nối giữa QHPL mô hình và QHPL cụ thể hình thành trong đời sống pháp luật. Do đó cần cả 3.

Câu 132. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền ban hành những loại VBPL nào:

A. Luật, nghị quyết

B. Luật, pháp lệnh

C. Pháp lệnh, nghị quyết

D. Pháp lệnh, nghị quyết, nghị định

Câu 133. Trong HTPL Việt Nam, để được coi là một ngành luật độc lập khi:

- A. Ngành luật đó phải có đối tượng điều chỉnh
- B. Ngành luật đó phải có phương pháp điều chỉnh
- C. Ngành luật đó phải có đầy đủ các VBQPPL
- D. Cả A và B

Câu 134. UBND và chủ tịch UBND các cấp có quyền ban hành những loại VBPL nào:

- A. Nghị định, quyết định
- B. Quyết định, chỉ thị
- C. Quyết định, chỉ thị, thông tư
- D. Nghị định, nghị quyết, quyết định, chỉ thị

Câu 135. Theo quy định của Hiến pháp 1992, người có quyền công bố Hiến pháp và luật là:

- A. Chủ tịch Quốc hội
- B. Chủ tịch nước
- C. Tổng bí thư
- D. Thủ tướng chính phủ

Câu 136. Có thể thay đổi HTPL bằng cách:

- A. Ban hành mới VBPL
- B. Sửa đổi, bổ sung các VBPL hiện hành
- C. Đình chỉ, bãi bỏ các VBPL hiện hành
- D. Cả A, B và C.

Câu 137. Hội đồng nhân dân các cấp có quyền ban hành loại VBPL nào:

- A. Nghị quyết
- B. Nghị định
- C. Nghị quyết, nghị định
- D. Nghị quyết, nghị định, quyết định

Câu 138. Đối với các hình thức (biện pháp) trách nhiệm dân sự:

- A. Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự có thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc cho tổ chức.
- B. Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự không thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc tổ chức.

C. Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự có thể chuyển hoặc không thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc tổ chức; tùy từng trường hợp

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 139. Khẳng định nào là đúng:

A. Mọi hành vi trái pháp luật hình sự được coi là tội phạm

B. Mọi tội phạm đều đã có thực hiện hành vi trái pháp luật hình sự

C. Trái pháp luật hình sự có thể bị coi là tội phạm, có thể không bị coi là tội phạm

D. Cả B và C

Câu 140. Tuân thủ pháp luật là:

A. Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.

B. Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực.

C. Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.

D. Cả A và B

=> A. Tuân thủ PL là việc chủ thể PL kiềm chế mình không thực hiện những điều pháp luật cấm. -> thực hiện pháp luật mang tính thụ động

Câu 141. Hình thức trách nhiệm nghiêm khắc nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam:

A. Trách nhiệm hành chính

B. Trách nhiệm hình sự

C. Trách nhiệm dân sự

D. Trách nhiệm kỷ luật

Câu 142. Thi hành pháp luật là:

A. Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.

B. Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực.

C. Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.

D. A và B đều đúng

Câu 143. Bản án đã có hiệu lực pháp luật được viện kiểm sát, tòa án có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khi:

A. Người bị kết án, người bị hại, các đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với phán quyết của tòa án.

B. Phát hiện ra tình tiết mới, quan trọng của vụ án.

C. Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm nghiêm trọng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

D. Cả A, B và C đều đúng

=> B. Luật tố tụng dân sự

Điều 305. Căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm

1. Mới phát hiện được tình tiết quan trọng của vụ án mà đương sự đã không thể biết được trong quá trình giải quyết vụ án;

2. Có cơ sở chứng minh kết luận của người giám định, lời dịch của người phiên dịch không đúng sự thật hoặc có giả mạo chứng cứ;

3. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án hoặc cố ý kết luận trái pháp luật;

4. Bản án, quyết định hình sự, hành chính, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động của Toà án hoặc quyết định của cơ quan nhà nước mà Toà án căn cứ vào đó để giải quyết vụ án đã bị huỷ bỏ

Điều 307. Người có quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm

1. Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án các cấp, trừ quyết định của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

2. Chánh án Toà án nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có quyền kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án nhân dân cấp huyện.

3. Người đã kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có quyền quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đó cho đến khi có quyết định tái thẩm.

Câu 144. Nguyên tắc “không áp dụng hiệu lực hồi tố” của VBPL được hiểu là:

A. VBPL chỉ áp dụng trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

B. VBPL chỉ áp dụng trong một khoảng thời gian nhất định.

C. VBPL không áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.

D. Cả A, B và C.

Câu 145. Trong các loại VBPL, văn bản chủ đạo:

A. Luôn luôn chứa đựng các QPPL

B. Mang tính cá biệt – cụ thể

C. Nêu lên các chủ trương, đường lối, chính sách

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 146. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

A. Ngành luật đất đai

B. Ngành luật lao động

C. Ngành luật quốc tế

D. Ngành luật đầu tư

Câu 147. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

- A. Ngành luật kinh tế
- B. Ngành luật hành chính
- C. Ngành luật quốc tế
- D. Ngành luật cạnh tranh

Câu 148. Chế định “Văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ” thuộc ngành luật nào:

- A. Ngành luật hành chính
- B. Ngành luật dân sự
- C. Ngành luật quốc tế
- D. Ngành luật nhà nước (ngành luật hiến pháp)

Câu 149. Chế định “Giao dịch dân sự” thuộc ngành luật nào:

- A. Ngành luật kinh tế
- B. Ngành luật tài chính
- C. Ngành luật đất đai
- D. Ngành luật dân sự

Câu 150. Chế định “Khởi tố bị can và hỏi cung bị can” thuộc ngành luật nào:

- A. Ngành luật dân sự
- B. Ngành luật tố tụng dân sự
- C. Ngành luật tố tụng hình sự
- D. Ngành luật hành chính

Câu 151. Chế định “Điều tra” thuộc ngành luật nào:

- A. Ngành luật tố tụng hình sự
- B. Ngành luật tố tụng dân sự
- C. Ngành luật hình sự
- D. Ngành luật dân sự

Câu 152. Chế định “Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và việc thay đổi người tiến hành tố tụng” thuộc ngành luật nào:

- A. Ngành luật hình sự
- B. Ngành luật tố tụng hình sự
- C. Ngành luật dân sự
- D. Ngành luật kinh tế

Câu 153. Chế định “Xét xử phúc thẩm” thuộc ngành luật nào:

- A. Ngành luật hôn nhân và gia đình
- B. Ngành luật tài chính
- C. Ngành luật nhà nước
- D. Ngành luật tố tụng dân sự

Câu 154. Theo quy định của Luật tổ chức Quốc hội Việt Nam năm 2001:

- A. Quốc hội Việt Nam hoạt động theo hình thức chuyên trách.
- B. Quốc hội Việt Nam hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm.
- C. Quốc hội Việt Nam hoạt động theo hình thức vừa có các đại biểu kiêm nhiệm, vừa có các đại biểu chuyên trách.
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 155. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992:

- A. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho quyền lợi của nhân dân Thủ đô Hà Nội.
- B. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho quyền lợi của nhân dân cả nước.
- C. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho quyền lợi của nhân dân địa phương nơi đại biểu được bầu ra.
- D. Cả A và C

Câu 156. Sử dụng pháp luật:

- A. Không được làm những điều mà pháp luật cấm bằng hành vi thụ động
- B. Phải làm những điều mà pháp luật bắt buộc bằng hành vi tích cực
- C. Có quyền thực hiện hay không thực hiện những điều mà pháp luật cho phép
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 157. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. SKPL là sự cụ thể hoá phân giải định của QPPL trong thực tiễn.
- B. SKPL là sự cụ thể hoá phân giải định và quy định của QPPL trong thực tiễn.
- C. SKPL là sự cụ thể hoá phân giải định, quy định và chế tài của QPPL trong thực tiễn.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 158. Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm:

A. Tòa án nhân dân cấp huyện xét xử theo thẩm quyền do luật định

B. Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét xử theo thẩm quyền do luật định

C. Các tòa chuyên trách thuộc tòa án nhân dân tối cao xét xử theo thẩm quyền do luật định.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 159. Các đặc điểm, thuộc tính của chế định pháp luật:

A. Là hệ thống nhỏ trong ngành luật hoặc phân ngành luật

B. Là một nhóm những các QPPL có quan hệ chặt chẽ với nhau điều chỉnh một nhóm các QHXX cùng loại – những QHXX có cùng nội dung, tính chất có quan hệ mật thiết với nhau.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 160. Sự thay đổi hệ thống QPPL có thể được thực hiện bằng cách:

A. Ban hành mới; Sửa đổi; bổ sung

B. Đình chỉ; Bãi bỏ

C. Thay đổi phạm vi hiệu lực

D. Cả A, B và C

Câu 161. Quyết định ADPL:

A. Nội dung phải đúng thẩm quyền cơ quan và người ký (ban hành) phải là người có thẩm quyền ký.

B. Phải phù hợp với văn bản của cấp trên.

C. Phải phù hợp với lợi ích của nhà nước và lợi ích hợp pháp của công dân.

D. Cả A, B và C

Câu 162. Nguyên nhân của vi phạm pháp luật:

A. Mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất

B. Tàn dư, tập tục đã lỗi thời của xã hội cũ còn rơi rớt lại

C. Trình độ dân trí và ý thức pháp luật thấp của nhiều tầng lớp dân cư

D. Cả A, B và C

Câu 163. Đây là hình thức xử phạt bổ sung trong các hình thức xử phạt hành chính:

A. Cảnh cáo và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

B. Cảnh cáo và tước quyền sử dụng giấy phép

C. Phạt tiền và tước quyền sử dụng giấy phép

D. Tước quyền sử dụng giấy phép và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

Câu 164. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Hình thức bên ngoài của pháp luật là nguồn của pháp luật

B. Hình thức bên trong của pháp luật là nguồn của pháp luật

C. Cả hình thức bên trong và hình thức bên ngoài của pháp luật đều là nguồn của pháp luật

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 165. Nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng xã hội thuộc:

A. Cơ sở hạ tầng

B. Kiến trúc thượng tầng

C. Quan hệ sản xuất

D. Lực lượng sản xuất

Câu 166. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong số các loại văn bản sau của HTPL Việt Nam:

A. Quyết định

B. Nghị định

C. Thông tư

D. Chỉ thị

=> B. do thủ trưởng chính phủ ban hành.

Câu 166. Bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay có bao nhiêu bộ:

- A. 16 Bộ B. 17 Bộ C. 18 Bộ D. 19 Bộ

Câu 167. Khẳng định nào là đúng:

- A. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBPL.
B. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBPL; tập quán pháp.
C. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBPL; tập quán pháp; và tiền lệ pháp.
D. Cả A, B và C đều sai

Câu 168. Điều 57 Hiến pháp Việt Nam 1992 quy định: "Công dân Việt Nam có quyền kinh doanh theo quy định của pháp luật"; nghĩa là:

- A. Mọi công dân Việt Nam đều có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật.
B. Mọi công dân Việt Nam được quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật, trừ cán bộ, công chức.
C. Mọi công dân Việt Nam được quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật, trừ đảng viên.
D. Cả A và B đều sai

Câu 169. Nhận định nào đúng:

- A. Kiểu pháp luật sau bao giờ cũng kế thừa kiểu pháp luật trước
B. Kiểu pháp luật sau bao giờ cũng tiến bộ hơn kiểu pháp luật trước
C. Kiểu pháp luật sau chỉ tiến bộ hơn kiểu pháp luật trước nhưng không kế thừa kiểu pháp luật trước
D. Cả A và B đều đúng

Câu 170. Người lao động có quyền:

A. Tự do lựa chọn việc làm và nơi làm việc

B. Lựa chọn nghề và nơi học nghề phù hợp

C. Làm việc cho nhiều chủ sử dụng lao động nhưng phải đảm bảo các điều kiện đã cam kết, thỏa thuận

D. Cả A, B và C

Câu 171. Theo pháp luật lao động Việt Nam, quy định chung về độ tuổi lao động là:

A. Từ đủ 9 tuổi B. Từ đủ 15 tuổi C. Từ đủ 18 tuổi D. Từ đủ 21 tuổi

Câu 172. Theo quy định chung của pháp luật lao động Việt Nam, xét về độ tuổi:

A. Người sử dụng lao động và người lao động phải từ đủ 15 tuổi.

B. Người sử dụng lao động và người lao động phải từ đủ 18 tuổi

C. Người sử dụng lao động và người lao động phải từ đủ 21 tuổi

D. Người sử dụng lao động phải từ đủ 18 tuổi còn người lao động phải từ đủ 15 tuổi

Câu 173. Khẳng định nào đúng:

A. Bản chất của nhà nước sẽ quyết định chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.

B. Nhiệm vụ cơ bản của nhà nước là cơ sở để xác định số lượng, nội dung, hình thức thực hiện các chức năng của nhà nước.

C. Chức năng nhà nước là phương tiện thực hiện nhiệm vụ cơ bản của nhà nước.

D. Cả A, B và C

Câu 174. Cơ quan nào là cơ quan ngang bộ của bộ máy hành chính Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

A. Ủy ban thể dục, thể thao

B. Ủy ban dân số gia đình và trẻ em

C. Văn phòng chính phủ

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 175. Cơ quan nào là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước CHXNCN Việt Nam:

- A. Chủ tịch nước
- B. Chính phủ
- C. Quốc hội
- D. Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

Câu 176. Các thuộc tính của pháp luật là:

- A. Tính bắt buộc chung (hay tính quy phạm phổ biến)
- B. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
- C. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 177. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Chỉ có Nhà nước mới có quyền ban hành pháp luật để quản lý xã hội.
- B. Không chỉ nhà nước mà cả TCXH cũng có quyền ban hành pháp luật.
- C. TCXH chỉ có quyền ban hành pháp luật khi được nhà nước trao quyền.
- D. Cả A và C

Câu 178. Hiệu lực về không gian của VBQPPL Việt Nam được hiểu là:

- A. Khoảng không gian trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam trừ đi phần lãnh thổ của đại sứ quán nước ngoài và phần không gian trên tàu bè nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
- B. Khoảng không gian trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và phần lãnh thổ trong sứ quán Việt Nam tại nước ngoài, phần không gian trên tàu bè mang quốc tịch Việt Nam đang hoạt động ở nước ngoài.
- C. Khoảng không gian trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và phần lãnh thổ trong sứ quán Việt Nam tại nước ngoài, phần không gian trên tàu bè mang quốc tịch Việt Nam đang hoạt động ở nước ngoài, nhưng trừ đi phần lãnh thổ của đại sứ quán nước ngoài, phần không gian trên tàu bè nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

D. Cả A, B và C đều sai

=> D. H/lực về không gian là giới hạn phạm vi lãnh thổ mà văn bản đó có hiệu lực.

Câu 179. QPPL là cách xử sự do nhà nước quy định để:

A. Áp dụng cho một lần duy nhất và hết hiệu lực sau lần áp dụng đó.

B. Áp dụng cho một lần duy nhất và vẫn còn hiệu lực sau lần áp dụng đó.

C. Áp dụng cho nhiều lần và vẫn còn hiệu lực sau những lần áp dụng đó.

D. Áp dụng cho nhiều lần và hết hiệu lực sau những lần áp dụng đó.

Câu 180. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức là thuộc tính (đặc trưng) của:

A. Quy phạm đạo đức

B. Quy phạm tập quán

C. QPPL

D. Quy phạm tôn giáo

=> C. Pháp luật có các thuộc tính sau: a- Tính phổ biến, b- Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức, c- Tính bảo đảm thực hiện bằng nhà nước của pháp luật, d- Tính hệ thống, tính thống nhất, tính ổn định và tính năng động

Câu 181. Đặc điểm của QPPL khác so với quy phạm xã hội thời kỳ CXNT:

A. Thể hiện ý chí của giai cấp thống trị; Nội dung thể hiện quan hệ bất bình đẳng trong xã hội.

B. Có tính bắt buộc chung, tính hệ thống và thống nhất cao.

C. Được bảo đảm thực hiện bằng nhà nước, chủ yếu bởi sự cưỡng chế.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 182. Tòa án nào có quyền xét xử tội phạm và tuyên bản án hình sự:

A. Tòa hình sự

B. Tòa hình sự, tòa kinh tế

C. Tòa hành chính, tòa hình sự

D. Tòa dân sự, tòa hành chính

Câu 183. Thỏa ước lao động tập thể là văn bản được ký kết giữa:

A. Người lao động và người sử dụng lao động

B. Người sử dụng lao động và đại diện người lao động

C. Người lao động và đại diện người lao động

D. Cả A, B và C

Câu 184. Chức năng của pháp luật:

A. Chức năng lập hiến và lập pháp

B. Chức năng giám sát tối cao

C. Chức năng điều chỉnh các QHXX

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 185. Chủ thể của QHPL là:

A. Bất kỳ cá nhân, tổ chức nào trong một nhà nước.

B. Cá nhân, tổ chức được nhà nước công nhận có khả năng tham gia vào các QHPL.

C. Cá nhân, tổ chức cụ thể có được những quyền và mang những nghĩa vụ pháp lý nhất định được chỉ ra trong các QHPL cụ thể.

D. Cả A, B và C

Câu 186. Ở các quốc gia khác nhau:

A. NLPL của các chủ thể pháp luật là khác nhau.

B. NLPL của các chủ thể pháp luật là giống nhau.

C. NLPL của các chủ thể pháp luật có thể giống nhau, có thể khác nhau.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 187. Khẳng định nào đúng:

A. QPPL mang tính bắt buộc chung.

B. Các quy phạm xã hội không phải là QPPL cũng mang tính bắt buộc chung.

C. Các quy phạm xã hội không phải là QPPL cũng mang tính bắt buộc nhưng không mang tính bắt buộc chung.

D. Cả A và C

Câu 188. TCXH nào sau đây không được Nhà nước trao quyền ban hành một số VBPL:

A. ĐCS Việt Nam

B. Tổng liên đoàn lao động Việt Nam

C. Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam

D. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

Câu 189. NLHV là:

A. Khả năng của chủ thể có được các quyền chủ thể và mang các nghĩa vụ pháp lý mà nhà nước thừa nhận.

B. Khả năng của chủ thể được nhà nước thừa nhận, bằng các hành vi của mình thực hiện các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý, tham gia vào các QHPL.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai

Câu 190. Xét về độ tuổi, người có NLHV dân sự đầy đủ:

A. Từ đủ 16 tuổi B. Từ đủ 18 tuổi C. Từ đủ 21 tuổi D. Từ đủ 25 tuổi

=> B. Năng lực HV dân sự đầy đủ khi người đó đủ 18 tuổi

Câu 191. Chế tài của QPPL là:

A. Hình phạt nghiêm khắc của nhà nước đối với người cố hành vi vi phạm pháp luật.

B. Những hậu quả pháp lý bất lợi có thể áp dụng đối với người không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của QPPL.

C. Biện pháp cưỡng chế nhà nước áp dụng đối với người vi phạm pháp luật.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 192. Loại nguồn được công nhận trong HTPL Việt Nam:

A. VBPL

B. VBPL và tập quán pháp

C. VBPL, tập quán pháp và tiền lệ pháp

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 193. Người bị mất NLHV dân sự là người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác:

A. Mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

B. Mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố mất NLHV dân sự kể cả khi chưa có kết luận của tổ chức giám định.

C. Mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố mất NLHV dân sự trên cơ sở kết luận của tổ chức giám định.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 194. Khẳng định nào là đúng:

A. Hành vi vi phạm pháp luật là hành vi thực hiện pháp luật.

B. Hành vi vi phạm pháp luật không phải là hành vi thực hiện pháp luật.

C. Hành vi vi phạm pháp luật cũng có thể là hành vi thực hiện pháp luật cũng có thể không phải là hành vi thực hiện pháp luật.

D. Cả A, B và C đều đúng

=> B. VPPL là Hành vi nguy hại cho xã hội, trái pháp luật, có lỗi. Do đó chỉ có B là phù hợp nhất.

Câu 195. Hoạt động ADPL:

A. Là hoạt động mang tính cá biệt - cụ thể và không thể hiện quyền lực nhà nước.

B. Là hoạt động không mang tính cá biệt - cụ thể nhưng thể hiện quyền lực nhà nước.

C. Là hoạt động vừa mang tính cá biệt - cụ thể, vừa thể hiện quyền lực nhà nước.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 196. Hoạt động áp dụng tương tự pháp luật (hay tương tự luật) là:

A. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó.

B. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó nhưng có QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

C. Khi có cả QPPL áp dụng cho trường hợp đó và có cả QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

D. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó và không có cả QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

Câu 197. Khẳng định nào là đúng:

A. Cơ quan của TCXH có quyền thực hiện hình thức ADPL.

B. Cơ quan của TCXH không có quyền thực hiện hình thức ADPL.

C. Cơ quan của TCXH chỉ có quyền thực hiện hình thức ADPL khi được nhà nước trao quyền.

D. Cả A, B và C đều sai

=> D. TCXH khi được nhà nước trao quyền -> Cơ quan nhà nước?

Câu 198. Thủ tướng chính phủ có quyền ban hành những loại VBPL nào:

A. Nghị định, quyết định

B. Nghị định, quyết định, chỉ thị

C. Quyết định, chỉ thị, thông tư

D. Quyết định, chỉ thị

Câu 199. Đây là VBPL:

A. Văn bản chủ đạo

B. VBQPPL

C. Văn bản ADPL hay văn bản cá biệt – cụ thể

D. Cả A, B và C

Câu 200. Bộ trưởng có quyền ban hành những loại VBPL nào:

A. Nghị định, quyết định

B. Nghị định, quyết định, thông tư

C. Nghị định, quyết định, thông tư, chỉ thị

D. Quyết định, thông tư, chỉ thị

=> D. Bộ trưởng và thủ trưởng các cơ quan ngang bộ chỉ có quyền ban hành thông tư, chỉ thị, còn quyết định thì không thấy nói tới

Câu 201. Khẳng định nào là đúng:

A. Chủ thể của pháp luật hành chính là các cơ quan, nhân viên nhà nước, công dân và các tổ chức khác

B. Chủ thể của pháp luật hành chính chỉ là các cơ quan, nhân viên nhà nước

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 202. Khẳng định nào sau đây là đúng:

C. Chủ thể quản lý nhà nước là các cơ quan, nhân viên nhà nước, công dân và các tổ chức khác

D. Chủ thể quản lý nhà nước là các cơ quan, nhân viên nhà nước

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 203. Tùy theo mức độ phạm tội, tội phạm hình sự được chia thành các loại:

- A. Tội phạm nghiêm trọng; tội phạm rất nghiêm trọng
- B. Tội phạm ít nghiêm trọng; tội phạm nghiêm trọng; tội phạm rất nghiêm trọng
- C. Tội phạm nghiêm trọng; tội phạm rất nghiêm trọng; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng
- D. Tội phạm ít nghiêm trọng; tội phạm nghiêm trọng; tội phạm rất nghiêm trọng; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

Câu 204. Tuân thủ pháp luật là:

- A. Thực hiện các QPPL cho phép.
- B. Thực hiện các QPPL bắt buộc.
- C. Thực hiện các QPPL cấm đoán.
- D. Cả B và C

Câu 205. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong các văn bản sau của hệ thống VBQPPL Việt Nam:

- A. Bộ Luật
- B. Pháp lệnh
- C. Thông tư
- D. Chỉ thị

Câu 206. Chủ thể có hành vi trái pháp luật, thì:

- A. Phải chịu trách nhiệm pháp lý
- B. Không phải chịu trách nhiệm pháp lý
- C. Có thể phải chịu trách nhiệm pháp lý hoặc không, tùy theo từng trường hợp cụ thể
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 207. Nguyên tắc "không áp dụng hiệu lực hồi tố" của VBPL được hiểu là:

- A. VBPL chỉ áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.
- B. VBPL không áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.

C. VBPL áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước và sau thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 208. Để phân biệt ngành luật với các đạo luật, nhận định nào sau đây là đúng:

A. Ngành luật phải có đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh

B. Đạo luật phải có đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 209. Để phân biệt ngành luật với các đạo luật, nhận định nào sau đây là đúng:

A. Đạo luật là văn bản chứa các QPPL, là nguồn của ngành luật

B. Ngành luật là văn bản chứa các QPPL, là nguồn của đạo luật

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 210. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam

A. Ngành luật hiến pháp (ngành luật nhà nước) B. Ngành luật dân sự

C. Ngành luật hôn nhân và gia đình D. Ngành luật hàng hải

Câu 211. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

A. Ngành luật lao động B. Ngành luật hôn nhân và gia đình

C. Ngành luật tố tụng dân sự D. Ngành luật nhà ở

Câu 212. Chế định "Hình phạt" thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật lao động B. Ngành luật hành chính

C. Ngành luật hình sự D. Ngành luật tố tụng hình sự

Câu 213. Chế định "Tài sản và quyền sở hữu" thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật kinh tế. B. Ngành luật hôn nhân và gia đình

C. Ngành luật lao động D. Ngành luật dân sự

Câu 214. Chế định “Khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật kinh tế

B. Ngành luật đất đai

C. Ngành luật hành chính

D. Ngành luật tố tụng hình sự

Câu 215. Chế định “Tạm đình chỉ điều tra và kết thúc điều tra” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật kinh tế

B. Ngành luật tố tụng hình sự

C. Ngành luật đất đai

D. Ngành luật lao động

Câu 216. Chế định “Người tham gia tố tụng” thuộc ngành luật:

A. Ngành luật hành chính

B. Ngành luật nhà nước (ngành luật nhà nước)

C. Ngành luật tố tụng hình sự

D. Ngành luật quốc tế

Câu 217. Chế định “Thủ tục giám đốc thẩm” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật nhà nước (ngành luật hiến pháp)

B. Ngành luật tố tụng dân sự

C. Ngành luật đất đai

D. Ngành luật kinh tế

Câu 218. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Khi một người chịu trách nhiệm về một sự việc nghĩa là người đó phải chịu trách nhiệm pháp lý về sự việc đó.

B. Khi một người phải chịu trách nhiệm về một sự việc thì người đó có thể hoặc không phải chịu trách nhiệm pháp lý về sự việc đó.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 219. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Chỉ có QNN hoặc người có thẩm quyền mới thực hiện hình thức ADPL.
- B. Cơ quan TCXH không có quyền thực hiện hình thức ADPL.
- C. Cơ quan TCXH có quyền thực hiện hình thức ADPL khi nhà nước trao quyền.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 220. Về mặt cấu trúc, mỗi một QPPL:

- A. Phải có cả ba bộ phận cấu thành: giả định, quy định, chế tài.
- B. Phải có ít nhất hai bộ phận trong ba bộ phận nêu trên.
- C. Chỉ cần có một trong ba bộ phận nêu trên.
- D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 221. Trong quá trình tố tụng:

- A. Chỉ có vụ án dân sự mới có giai đoạn khởi tố.
- B. Chỉ có vụ án hình sự mới có giai đoạn khởi tố.
- C. Cả vụ án dân sự và cả vụ án hình sự đều phải trải qua giai đoạn khởi tố.
- D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 222. Các đặc điểm, thuộc tính của một ngành luật:

- A. Là một tiểu hệ thống lớn nhất của HTPL của một quốc gia.
- B. Mỗi ngành luật điều chỉnh một lĩnh vực QHXX nhất định có tính đặc thù.
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai.

Câu 223. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Các nghị quyết của ĐCS được đưa ra sau sẽ làm mất hiệu lực các nghị quyết của ĐCS được đưa ra trước.

B. VBPL điều chỉnh cùng một lĩnh vực QHXXH được ban hành sau sẽ tự động đình chỉ hiệu lực của VBPL ban hành trước đó.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 224. Các quyết định ADPL được ban hành:

A. Luôn luôn phải theo một thủ tục chặt chẽ với đầy đủ các bước, các giai đoạn rõ ràng, cụ thể.

B. Thông thường là phải theo một thủ tục chặt chẽ với đầy đủ các bước, các giai đoạn rõ ràng, cụ thể, nhưng đôi khi cũng được ban hành chớp nhoáng không có đầy đủ các bước để giải quyết công việc khẩn cấp.

C. Một cách chớp nhoáng không có đầy đủ các bước, các giai đoạn và không theo một trình tự nhất định.

D. Cả A, B và C

Câu 225. Quyết định ADPL:

A. Phải được ban hành kịp thời.

B. Phải đúng hình thức pháp lý và đúng mẫu quy định.

C. Nội dung phải cụ thể, lời văn phải rõ ràng, chính xác, ngắn gọn.

D. Cả A, B và C

Câu 226. Nguyên nhân của vi phạm pháp luật:

A. Hoạt động thù địch của các lực lượng phản động

B. Những thiếu sót trong hoạt động quản lý của nhà nước

C. Tồn tại số ít người bầm sinh có xu hướng tự do vô tổ chức

D. Cả A, B và C đều đúng

⇒ A (không chắc)

Câu 227. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. SKPL là sự cụ thể hoá phân giả định của QPPL trong thực tiễn.
- B. SKPL là sự cụ thể hoá phân quy định của QPPL trong thực tiễn.
- C. SKPL là sự cụ thể hoá phân chế tài của QPPL trong thực tiễn.
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 228. Quyền lực và hệ thống tổ chức quyền lực trong xã hội CXNT:

- A. Mang tính bắt buộc và không mang tính cưỡng chế
- B. Mang tính bắt buộc và mang tính cưỡng chế
- C. Không mang tính bắt buộc và không mang tính cưỡng chế
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 229. Các tòa án chuyên trách của hệ thống tòa án nước CHXHCN Việt Nam:

- A. Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động.
- B. Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động, tòa kinh tế.
- C. Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động, tòa kinh tế, tòa hôn nhân gia đình.
- D. Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động, tòa kinh tế, hôn nhân gia đình, tòa hiến pháp

Câu 230. Các con đường hình thành nên pháp luật nói chung:

- A. Tập quán pháp
- B. Tiền lệ pháp
- C. VBQPPL
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 231. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Tập quán pháp là tập quán được nhà nước thừa nhận
B. Tập quán pháp là tập quán có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

=> C (hero)

=> A. Tập quán pháp là hình thức nhà nước thừa nhận 1 số tập quán lưu truyền trong xã hội, phù hợp... P.21

Câu 232. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Tiên lệ pháp là tiên lệ được nhà nước thừa nhận

B. Tiên lệ pháp là tiên lệ có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

=> C (hero) => A. (P.23)

Câu 233. Phân giả định của QPPL là:

A. Quy tắc xử sự thể hiện ý chí của nhà nước mà mọi người phải thi hành khi xuất hiện những điều kiện mà QPPL đã dự kiến trước.

B. Chỉ ra những biện pháp tác động mà nhà nước sẽ áp dụng đối với các chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mệnh lệnh của nhà nước đã nêu trong phần quy định.

C. Nêu lên đặc điểm, thời gian, chủ thể, tình huống, điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế, là môi trường tác động của QPPL.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 234. Quy phạm xã hội nào sau đây là quy tắc xử sự (quy tắc hành vi):

A. Quy phạm đạo đức; Quy phạm tập quán

B. Quy phạm đạo đức; Quy phạm tập quán; Quy phạm tôn giáo

C. Quy phạm đạo đức; Quy phạm tập quán; Quy phạm tôn giáo; Quy phạm của các TCXH

D. Cả A, B và C đều sai

=> ??? D.

Câu 235. Xét về độ tuổi, người không có NLHV dân sự là người:

A. Dưới 6 tuổi B. Dưới 14 tuổi C. Dưới 16 tuổi D. Dưới 18 tuổi

Câu 236. Điều kiện để trở thành chủ thể của QHPL:

A. Có năng lực chủ thể pháp luật.

B. Có NLPL.

C. Có NLHV.

D. Cả A, B và C đều sai

=> D. Chủ thể của QHPL phải có năng lực chủ thể và bằng hành vi của mình tham gia vào quan hệ pháp luật

Câu 237. Tính quy phạm phổ biến (tính bắt buộc chung) là thuộc tính (đặc trưng) của:

A. QPPL

B. Quy phạm đạo đức

C. Quy phạm tập quán

D. Quy phạm tôn giáo

Câu 238. Sự biến là:

A. Những hiện tượng của đời sống khách quan xảy ra không phụ thuộc vào ý chí con người.

B. Những sự kiện xảy ra phụ thuộc trực tiếp vào ý chí con người.

C. Những sự kiện xảy ra có thể phụ thuộc trực tiếp vào ý chí con người hoặc không phụ thuộc vào ý chí con người, tùy theo từng trường hợp cụ thể.

D. Cả A, B và C đều sai

=> D

=> Sự biến là những hiện tượng tự nhiên xảy ra ngoài ý chí chủ quan của con người, được nhà làm luật dự kiến trong QPPL, gắn liền với việc hình thành, thay đổi hay chấm dứt các QHPL cụ thể => A. chẳng???

Câu 239. Các phương thức thể hiện của pháp luật QPPL:

A. Phương thức thể hiện trực tiếp

B. Phương thức thể hiện trực tiếp; Phương thức thể hiện viện dẫn

C. Phương thức thể hiện trực tiếp; Phương thức thể hiện viện dẫn; Phương thức thể hiện mẫu

D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 240. Ai có quyền tiến hành hoạt động ADPL:

A. Cá nhân; TCXH và doanh nghiệp

B. CQNN và người có thẩm quyền

C. TCXH khi được nhà nước trao quyền

D. Cả B và C đều đúng

Câu 241. Tính chất của hoạt động ADPL:

A. Là hoạt động mang tính cá biệt - cụ thể và không thể hiện quyền lực nhà nước.

B. Là hoạt động không mang tính cá biệt - cụ thể nhưng thể hiện quyền lực nhà nước.

C. Là hoạt động vừa mang tính cá biệt - cụ thể, vừa thể hiện quyền lực nhà nước.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 242. Hành vi vi phạm pháp luật "gây rối trật tự công cộng" là:

A. Hành vi vi phạm hành chính

B. Hành vi vi phạm hình sự

C. Hoặc A đúng hoặc B đúng

D. Cả A và B đều đúng

=> C

=> A. vi phạm pháp luật "gây rối trật tự công cộng"

Câu 243. Chủ tịch nước có quyền ban hành những loại VBPL nào:

A. Luật, quyết định

B. Luật, lệnh

C. Luật, lệnh, quyết định

D. Lệnh, quyết định

Câu 244. Chính phủ có quyền ban hành những loại VBPL nào:

A. Luật, pháp lệnh

B. Pháp lệnh, nghị quyết

C. Nghị quyết, nghị định

D. Nghị quyết, nghị định, quyết định

=> D. Chính phủ gồm những ai: thủ tướng chính phủ, bộ trưởng và các cơ quan ngang bộ, UBND các cấp,...

Câu 245. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. VBPL là một loại VBQPPL

B. VBQPPL là một loại VBPL

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 246. Phương pháp quyền uy – phục tùng là phương pháp điều chỉnh của ngành luật nào:

A. Ngành luật hình sự

B. Ngành luật dân sự

C. Ngành luật hành chính

D. Cả A và C

Câu 247. Hiệu lực của VBQPPL bao gồm:

A. Hiệu lực về thời gian; hiệu lực về không gian

B. Hiệu lực về không gian; hiệu lực về đối tượng áp dụng

C. Hiệu lực về thời gian; hiệu lực về đối tượng áp dụng

D. Hiệu lực về thời gian; hiệu lực về không gian; hiệu lực về đối tượng áp dụng

=> D. Gồm ba hiệu lực: thời gian, không gian, đối tượng áp dụng

Câu 248. Sử dụng pháp luật là:

A. Thực hiện các QPPL cho phép

B. Thực hiện các QPPL bắt buộc

C. Thực hiện các QPPL cấm đoán

D. Cả A, B và C đều đúng

=> D

=> A. Là cách thức xử sự mà pháp luật cho phép. Do đó A.

Câu 249. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong các văn bản sau của hệ thống VBQPPL Việt Nam:

A. Luật

B. Pháp lệnh

C. Thông tư

D. Chỉ thị

Câu 250. Sử dụng pháp luật là:

- A. Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.
- B. Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực.
- C. Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 251. Các loại vi phạm pháp luật:

- A. Vi phạm hình sự
- B. Vi phạm hình sự, vi phạm hành chính
- C. Vi phạm hình sự, vi phạm hành chính và vi phạm dân sự
- D. Vi phạm hình sự, vi phạm hành chính, vi phạm dân sự và vi phạm kỉ luật

Câu 252. Đặc điểm của VBPL cụ thể - cá biệt là:

- A. Chỉ được thực hiện một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện.
- B. Được thực hiện nhiều lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện.
- C. Chỉ được thực hiện một lần và vẫn còn hiệu lực khi được thực hiện.
- D. Được thực hiện nhiều lần và vẫn còn hiệu lực khi được thực hiện

Câu 253. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Chỉ có vi phạm pháp luật mới phải chịu trách nhiệm pháp lý.
- B. Các vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức, vi phạm quy tắc tôn giáo, vi phạm tập quán,... đều phải chịu trách nhiệm pháp lý

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 254. Các chủ thể có quyền thực hiện hình thức ADPL:

A. CQNN và người có thẩm quyền

B. Cá nhân; TCXH

C. TCXH khi được nhà nước trao quyền

D. Cả A và C đều đúng

Câu 255. Phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL:

A. Giả định hoặc quy định hoặc chế tài

B. Điều luật

C. QPPL

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 256. Nguyên tắc chung của pháp luật trong nhà nước pháp quyền là:

A. Pháp luật là đạo đức tối thiểu

B. Đạo đức là pháp luật tối đa

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

=> D. Tinh thần thượng tôn pháp luật.

Câu 257. Các quyết định ADPL có thể được ban hành bằng hình thức:

A. Bằng miệng

B. Bằng văn bản

C. Có thể bằng miệng hoặc bằng văn bản tùy thuộc từng trường hợp cụ thể

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 258. Các biện pháp tăng cường pháp chế:

A. Đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật

B. Tổ chức tốt công tác thực hiện pháp luật

C. Tiến hành thường xuyên, kiên trì công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh những vi phạm pháp luật.

D. Cả A, B và C

Câu 259. Sự tồn tại của pháp luật:

A. Do nhu cầu quản lý xã hội của nhà nước.

B. Là một hiện tượng tất yếu, bất biến trong đời sống xã hội của loài người.

C. Là do ý chí chủ quan của giai cấp thống trị.

D. Yêu cầu khách quan của một xã hội có giai cấp.

Câu 260. Pháp luật là:

A. Công cụ hạn chế sự tự do của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

B. Công cụ đảm bảo sự tự do của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

C. Công cụ đảm bảo sự tự do của các chủ thể này nhưng lại hạn chế sự tự do của các chủ thể khác trong xã hội.

D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 261. Pháp luật là:

A. Đại lượng đảm bảo sự công bằng trong xã hội.

B. Chuẩn mực cho xử sự của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

C. Công cụ bảo đảm cho sự tự do cho cá nhân, tổ chức trong xã hội

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 262. Đạo luật nào dưới đây quy định một cách cơ bản về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội và tổ chức bộ máy nhà nước.

A. Bộ luật dân sự

B. Bộ luật hình sự

C. Hiến pháp

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 263. Phân quy định của QPPL:

A. Là quy tắc xử sự mà mọi người phải thi hành khi xuất hiện những điều kiện mà QPPL đã dự kiến trước.

B. Nêu lên đặc điểm, thời gian, chủ thể, tình huống, điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế.

C. Chỉ ra những biện pháp tác động mà nhà nước sẽ áp dụng đối với các chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mệnh lệnh đã nêu.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 264. Điều kiện để một tổ chức tham gia vào một QHPL cụ thể:

A. Chỉ cần có NLPL

B. Chỉ cần có NLHV

C. Có năng lực chủ thể pháp luật

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 265. Câu nói: "Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế thông qua pháp luật" có nghĩa là:

A. Pháp luật chính là sự phản ánh các điều kiện tồn tại khách quan của xã hội.

B. Đường lối, chính sách của đảng cầm quyền bị quy định bởi cơ sở kinh tế.

C. Pháp luật của nhà nước thể chế hóa đường lối, chính sách của đảng cầm quyền.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 266. Theo HTPL châu Âu lục địa, khẳng định nào là đúng:

A. Công pháp là lĩnh vực pháp luật điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước

B. Công pháp là lĩnh vực pháp luật điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước, vừa điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích của cá nhân, tổ chức.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 267. Theo HTPL châu Âu, lục địa, khẳng định nào là đúng:

A. Tư pháp là lĩnh vực pháp luật điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích của cá nhân, tổ chức.

B. Tư pháp là lĩnh vực pháp luật vừa điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước, vừa điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích của cá nhân, tổ chức.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 268. Mỗi QPPL:

A. Phải có đầy đủ cả ba yếu tố cấu thành: giả định; quy định; chế tài.

B. Chỉ cần có hai trong ba yếu tố trên.

C. Chỉ cần có một trong ba yếu tố trên.

D. Cả A, B và C đều sai

=> A

=> D. có QPPL chỉ cần 1 quy định, nhưng chế tài thì không thể đứng 1 mình.

Câu 269. Quy phạm nào có chức năng điều chỉnh các QHXXH:

A. Quy phạm đạo đức

B. Quy phạm tập quán

C. Quy phạm tôn giáo

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 270. Quy phạm nào có chức năng điều chỉnh các QHXXH:

A. QPPL

B. Quy phạm tôn giáo

C. Quy tắc quản lý của các TCXH

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 271. SKPL có thể:

A. Làm phát sinh một QHPL cụ thể

B. Làm thay đổi một QHPL cụ thể

C. Làm chấm dứt một QHPL cụ thể

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 272. Quan điểm về pháp luật tự nhiên là:

A. Pháp luật bảo vệ môi trường

B. Pháp luật phát sinh từ bản chất tự nhiên của con người

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai. (không chắc)

Câu 273. Quan điểm về pháp luật tự nhiên là:

A. Pháp luật do giai cấp thống trị ban hành

B. Pháp luật phát sinh từ bản chất tự nhiên của con người

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 274. Loại nguồn được công nhận trong hệ thống VBPL Việt Nam:

A. VBPL B. Tập quán pháp C. Tiền lệ pháp D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 275. Khẳng định nào là đúng:

- A. QPPL là quy phạm xã hội
- B. Quy phạm tôn giáo không phải là quy phạm xã hội
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 276. Khẳng định nào là đúng:

- A. Quy phạm đạo đức là quy phạm xã hội
- B. Quy phạm tập quán không phải là quy phạm xã hội
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 277. Đối với các quy phạm xã hội không phải là QPPL, các chủ thể có phải tuân thủ không khi xử sự theo các quy phạm đó:

- A. Phải tuân thủ các quy tắc xử sự đó
- B. Không phải tuân thủ các quy tắc xử sự đó
- C. Có thể phải tuân thủ hoặc không, tùy theo từng trường hợp cụ thể
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 278. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

- A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
- B. Tính bắt buộc chung (tính quy phạm phổ biến)
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 279. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

- A. Tính bắt buộc chung (tính quy phạm phổ biến)
- B. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 280. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức C. Cả A và B đều đúng

B. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước D. Cả A và B đều sai

Câu 281. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

B. Điều chỉnh các quan hệ xã hội

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 282. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

C. Cả A và B đều đúng

B. Điều chỉnh các quan hệ xã hội

D. Cả A và B đều sai

Câu 283. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

A. Tính bắt buộc chung (tính quy phạm phổ biến)

C. Cả A và B đều đúng

B. Bảo vệ các quan hệ xã hội

D. Cả A và B đều sai

Câu 284. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

A. Giáo dục hành vi con người

C. Cả A và B đều đúng

B. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước

D. Cả A và B đều sai

Câu 285. Hình thức thực hiện pháp luật nào cần phải có sự tham gia của nhà nước:

A. Tuân thủ pháp luật

B. Thi hành pháp luật

C. Sử dụng pháp luật

D. ADPL

Câu 286. Quốc hội có quyền ban hành những loại VBPL nào:

A. Hiến pháp, luật

B. Hiến pháp, luật, pháp lệnh

C. Hiến pháp, luật, nghị quyết

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 287. Khẳng định nào là đúng:

A. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBQPPL; tập quán pháp; và tiền lệ pháp. Chỉ có VBQPPL là nguồn của pháp luật Việt Nam.

C. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBQPPL; tập quán pháp; và tiền lệ pháp. Chỉ có VBQPPL và tập quán pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

D. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBQPPL; tập quán pháp; và tiền lệ pháp. Chỉ có VBQPPL và tiền lệ pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam. D. Cả A, B và C đều sai

Câu 288: VBPL:

A. Bắt buộc phải có QPPL

B. Không có QPPL

C. Có thể có hoặc không có QPPL

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 289. Khẳng định nào sau đây là không đúng:

A. Hệ thống hình phạt được chia thành hai nhóm: hình phạt chính và hình phạt bổ sung

B. Phạt tiền và trục xuất vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung

C. Cả A và B đều đúng D. Cả A và B đều sai

⇒ B. Trục xuất là hình phạt chính hay hình phạt bổ sung đối với người nước ngoài.

Câu 290. Khẳng định nào sau đây là không đúng:

A. Hệ thống hình phạt được chia thành hai nhóm: hình phạt chính và hình phạt bổ sung

B. Ngoài hệ thống hình phạt, pháp luật hình sự còn quy định thêm các biện pháp tư pháp nhằm mục đích hỗ trợ cho hình phạt

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 291. Loại vi phạm pháp luật nào gây hậu quả lớn nhất cho xã hội:

A. Vi phạm hình sự

B. Vi phạm hành chính

C. Vi phạm dân sự

D. Vi phạm kỷ luật

Câu 292. HTPL nào sau đây là HTPL thành văn:

A. HTPL Anh - Mỹ

B. HTPL châu Âu lục địa

C. HTPL XHCN

D. Cả B và C đều đúng

Câu 293. Đặc điểm của VBPL cụ thể - cá biệt là:

A. Luôn mang tính chất cụ thể và cá biệt, vì được ban hành chỉ để giải quyết những trường hợp cá biệt - cụ thể.

B. Chỉ được thực hiện một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 294. Đặc điểm của VBPL cụ thể - cá biệt là:

A. Hình thức thể hiện không chỉ là văn bản mà có thể bằng miệng.

B. Thông thường được ban hành bằng một thủ tục chặt chẽ và cụ thể, nhưng đôi khi cũng được ban hành chớp nhoáng, không có đầy đủ các bước để giải quyết những công việc khẩn cấp.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 295. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

A. Ngành luật dân sự

B. Ngành luật tổ tụng dân sự

C. Ngành luật doanh nghiệp

D. Ngành luật tố tụng hình sự

Câu 296. Đâu là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

A. Ngành luật hình sự

B. Ngành luật an ninh quốc gia

C. Ngành luật tố tụng hình sự

D. Ngành luật tài chính

Câu 297. Tuân thủ pháp luật:

A. Không được làm những điều mà pháp luật cấm bằng hành vi thụ động

B. Phải làm những điều mà pháp luật bắt buộc bằng hành vi tích cực

- C. Có quyền thực hiện hay không thực hiện những điều mà pháp luật cho phép
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 298. Để phân biệt HTPL và hệ thống VBPL, khẳng định nào sau là đúng:

- A. HTPL là cơ cấu bên trong của pháp luật, bao gồm các ngành luật, các phân ngành luật và các chế định pháp luật
- B. HTPL là khái niệm liên quan đến hình thức biểu hiện bên ngoài của pháp luật, phản ánh tình trạng nguồn của pháp luật.
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 299. Để phân biệt HTPL và hệ thống VBPL, khẳng định nào sau là đúng:

- A. Hệ thống VBPL là khái niệm liên quan đến hình thức biểu hiện bên ngoài của pháp luật, phản ánh tình trạng nguồn của pháp luật.
- B. Hệ thống VBPL là cơ cấu bên trong của pháp luật, bao gồm các ngành luật, các phân ngành luật và các chế định pháp luật
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 300. Nhận định nào sau đây là đúng:

- A. VBPL cá biệt được áp dụng nhiều lần và hiệu lực tồn tại lâu dài
- B. VBPL cá biệt được áp dụng nhiều lần và hiệu lực của nó chấm dứt ngay khi được áp dụng
- C. VBPL cá biệt được áp dụng một lần và hiệu lực tồn tại lâu dài
- D. VBPL cá biệt được áp dụng một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực ngay sau khi được áp dụng

Câu 301. Quyết định ADPL:

- A. Có những tên gọi (hình thức pháp lý nhất định) theo quy định của pháp luật.
- B. Không có tên gọi (hình thức pháp lý nhất định).

C. Có thể có hoặc không có tên gọi (hình thức pháp lý nhất định) tùy theo từng trường hợp cụ thể.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 302. Thực hiện quyết định ADPL:

A. Các đối tượng có liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định

B. Cơ quan ban hành cũng như những cơ quan có liên quan có trách nhiệm bảo đảm việc thi hành.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 303. VBPL chủ đạo là văn bản:

A. Chứa đựng những QPPL

B. Quy định những chủ trương, đường lối, chính sách, nhiệm vụ chung quan trọng

C. Được ban hành để giải quyết những vụ việc cá biệt, cụ thể

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 304. Các biện pháp tăng cường pháp chế:

A. Đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật

B. Tổ chức tốt công tác thực hiện pháp luật

C. Tiến hành thường xuyên, kiên trì công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh những vi phạm pháp luật.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 305. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Điều luật là phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL

B. QPPL là phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL

C. Cả điều luật và QPPL là phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 306. Pháp luật là:

A. Đại lượng đảm bảo sự công bằng trong xã hội.

B. Chuẩn mực cho xử sự của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

C. Hiện tượng khách quan xuất hiện trong xã hội có giai cấp.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 307. Độ tuổi tối thiểu mà cá nhân có thể phải chịu trách nhiệm hành chính là:

A. Từ đủ 14 tuổi

B. Từ đủ 16 tuổi

C. Từ đủ 18 tuổi

D. Từ đủ 21 tuổi

Câu 308. Phân giả định của QPPL:

A. Bộ phận nêu lên địa điểm, thời gian, chủ thể, các hoàn cảnh, tình huống có thể xảy ra trong thực tế để QPPL có thể áp dụng.

B. Bộ phận nêu lên môi trường tác động của QPPL.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 309. Khẳng định nào đúng:

A. Hiến pháp là đạo luật nhằm hạn chế quyền lực.

B. Hiến pháp là đạo luật nhằm mở rộng quyền lực.

C. Hiến pháp là đạo luật cơ bản quy định cách thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.

D. Cả A và C đều đúng.

Câu 310. Khẳng định nào đúng:

A. Hiến pháp là đạo luật nhằm hạn chế quyền lực.

B. Hiến pháp là đạo luật cơ bản quy định cách thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.

C. Cả A và C đều đúng.

D. Cả A và B đều sai

Câu 311. Chủ thể pháp luật là khái niệm để chỉ chủ thể pháp luật:

A. Một cách chung chung, không chỉ ra chủ thể cụ thể trong các trường hợp cụ thể

B. Một cách cụ thể, trong các trường hợp cụ thể

C. Có thể là cụ thể hoặc là chung chung, tùy từng trường hợp.

D. Cả A, B và C đều sai

⇒ B. Quan hệ XH chung chung không ràng buộc về độ tuổi, giới tính, tài sản....

Câu 312. Trong mối quan hệ giữa pháp luật và kinh tế, thì:

A. Pháp luật là yếu tố quyết định kinh tế.

B. Kinh tế là yếu tố quyết định pháp luật.

C. Pháp luật là yếu tố quyết định kinh tế, nhưng kinh tế có tính độc lập tương đối, tác động trở lại pháp luật.

D. Kinh tế là yếu tố quyết định pháp luật, nhưng pháp luật có tính độc lập tương đối, tác động trở lại kinh tế.

⇒ D. Kinh tế cao hơn pháp luật. Nhưng kinh tế vẫn chịu sự tác động của PL.

Câu 313. Năng lực pháp luật là:

A. Khả năng của chủ thể có được các quyền chủ thể và mang các nghĩa vụ pháp lý mà nhà nước thừa nhận.

B. Khả năng của chủ thể được nhà nước thừa nhận, bằng các hành vi của mình thực hiện các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý, tham gia vào các QHPL.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai

A. B là định nghĩa năng lực hành vi.

Câu 314. Đạo luật điều chỉnh việc ban hành VBQPPL:

A. Luật tổ chức chính phủ

B. Hiến pháp

C. Luật tổ chức quốc hội

D. Luật ban hành VBQPPL

Câu 315. Hành vi là:

A. Những hiện tượng của đời sống khách quan xảy ra không phụ thuộc vào ý chí con người.

B. Những sự kiện xảy ra phụ thuộc trực tiếp vào ý chí con người.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 316. Con đường hình thành nên pháp luật nói chung:

A. VBQPPL

B. VBQPPL và tập quán pháp

C. VBQPPL và tiền lệ pháp

D. VBQPPL, tập quán pháp và tiền lệ pháp

Câu 317. Chức năng nào không phải là chức năng của pháp luật:

A. Chức năng điều chỉnh các QHXXH

B. Chức năng lập hiến và lập pháp

C. Chức năng bảo vệ các QHXXH

D. Chức năng giáo dục

⇒ B. Chức lập hiến là của Quốc hội.

Câu 318. Câu khẳng định nào là đúng

A. Năng lực pháp luật luôn mang tính giai cấp.

B. NLHV không mang tính giai cấp.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 319. Câu khẳng định nào là đúng

A. Năng lực pháp luật không mang tính giai cấp.

B. NLHV luôn mang tính giai cấp.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

⇒ B. Năng lực pháp luật là tiền đề năng lực hành vi. Do đó, NLHV luôn mang tính giai cấp như NLPL.

Câu 320. Khẳng định nào là đúng:

A. Tập quán pháp là tập quán được nhà nước thừa nhận; Tiền lệ pháp là tiền lệ được NN thừa nhận

B. Tiền lệ pháp là tiền lệ được nhà nước thừa nhận; Tập quán pháp là tập quán có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận

C. Tập quán pháp là tập quán được nhà nước thừa nhận; Tiền lệ pháp là tiền lệ có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận

D. Tiền lệ pháp là tiền lệ có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận; Tập quán pháp là tập quán có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận

Câu 321. Ai có quyền tiến hành hoạt động ADPL:

A. Cá nhân, TCXH và doanh nghiệp

B. CQNN, người có thẩm quyền

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 322. Khẳng định nào là đúng:

A. VBPL là một loại VBQPPL

B. VBQPPL là một loại VBPL

C. VBPL có thể có quy phạm hoặc không có quy phạm

D. Cả B và C đều đúng

Câu 323. Khẳng định nào là đúng:

A. Mọi hành vi trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật

B. Mọi hành vi vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật

C. Hành vi trái pháp luật có thể là hành vi vi phạm pháp luật, có thể không phải là hành vi vi phạm pháp luật

D. Cả B và C đều đúng

Câu 325. Nguyên tắc áp dụng hình phạt chính và hình phạt bổ sung trong pháp luật hình sự và pháp luật hành chính là:

- A. Có thể áp dụng một lúc nhiều hình phạt chính và nhiều hình phạt bổ sung
- B. Chỉ có thể áp dụng một lúc được nhiều hình phạt chính, và chỉ áp dụng được một hình phạt bổ sung
- C. Chỉ có thể áp dụng được một hình phạt chính và một hình phạt bổ sung
- D. Chỉ có thể áp dụng được một hình phạt chính, và áp dụng được nhiều hình phạt bổ sung

Câu 326. Bản án đã có hiệu lực pháp luật, được viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm khi:

- A. Khi người bị kết án, người bị hại, các đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với phán quyết của tòa án.
- B. Phát hiện ra tình tiết mới, quan trọng của vụ án.
- C. Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm nghiêm trọng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 327. Thi hành pháp luật là:

- A. Thực hiện các QPPL cho phép.
- B. Thực hiện các QPPL bắt buộc.
- C. Thực hiện các QPPL cấm đoán.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 328. HTPL của Nước CHXHCN Việt Nam hiện nay được chia thành mấy ngành:

- A. 10 ngành
- B. 11 ngành
- C. 12 ngành
- D. 13 ngành

Câu 329. Kháng định nào đúng:

- A. ADPL là việc thực hiện pháp luật của cộng dân.
- B. ADPL là việc thực hiện pháp luật của CQNN và người có thẩm quyền.

C. ADPL là việc thực hiện pháp luật của công dân, của CQNN và của người có thẩm quyền.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 330. Thi hành pháp luật:

A. Không được làm những điều mà pháp luật cấm bằng hành vi thụ động

B. Phải làm những điều mà pháp luật bắt buộc bằng hành vi tích cực

C. Có quyền thực hiện hay không thực hiện những điều mà pháp luật cho phép

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 331. Bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam:

A. Thể hiện ở tính nhân dân, là nhà nước của dân, do dân, vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

B. Nhà nước của tất cả các dân tộc trên lãnh thổ; Thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở.

C. Tổ chức và hoạt động của nhà nước trên cơ sở mối quan hệ bình đẳng giữa nhà nước và công dân.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 332. Tòa án có thẩm quyền xét xử theo thủ tục phúc thẩm các bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật:

A. Tòa án nhân dân cấp huyện

B. Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét xử phúc thẩm theo thẩm quyền do luật định

C. Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm theo thẩm quyền do luật định.

D. Cả B và C đều đúng

Câu 333. Một VBQPPL do CQNN hoặc người có thẩm quyền ban hành, hết hiệu lực khi:

- A. Bị một văn bản được ban hành sau thay thế và văn bản đó đã có hiệu lực
- B. Bị CQNN hoặc người có thẩm quyền bãi bỏ hay đình chỉ hiệu lực
- C. Được CQNN hoặc người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 334. Quyết định ADPL:

- A. Luôn mang tính chất cụ thể và cá biệt
- B. Được ban hành chỉ để giải quyết những trường hợp cá biệt - cụ thể
- C. Chỉ được thực hiện một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 335. Việc thực hiện các quyết định ADPL:

- A. Bằng các biện pháp vật chất, tổ chức, kỹ thuật, kiểm tra việc thực hiện.
- B. Có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành.
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai

Câu 336. Các dấu hiệu của VBQPPL:

- A. Có tính bắt buộc chung
- B. Được áp dụng nhiều lần và lâu dài
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai

Câu 337. Các dấu hiệu của VBQPPL:

- A. Có tính bắt buộc chung
- B. Được áp dụng nhiều lần và lâu dài
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai

Câu 338. Số lượng các biện pháp trách nhiệm hành chính:

- A. Có 1 biện pháp xử phạt chính và 2 biện pháp xử phạt bổ sung
- B. Có 2 biện pháp xử phạt chính và 3 biện pháp xử phạt bổ sung

C. Áp dụng độc lập các hình phạt bổ sung, và áp dụng phụ thuộc các hình phạt chính

D. Áp dụng phụ thuộc cả hình phạt chính và cả hình phạt bổ sung

Câu 343. Nguyên tắc áp dụng các hình phạt trong trách nhiệm hình sự:

A. Có thể áp dụng nhiều hình phạt chính và nhiều hình phạt bổ sung

B. Chỉ có thể áp dụng một hình phạt chính và có thể áp dụng một hoặc nhiều hình phạt bổ sung

C. Chỉ có thể áp dụng một hình phạt bổ sung và có thể áp dụng một hoặc nhiều hình phạt chính

D. Chỉ có thể áp dụng một hình phạt chính và một hình phạt bổ sung

Câu 344. Số lượng các hình phạt trong trách nhiệm hình sự:

A. Có 10 hình phạt chính và 10 hình phạt bổ sung

B. Có 9 hình phạt chính và 9 hình phạt bổ sung

C. Có 8 hình phạt chính và 8 hình phạt bổ sung

D. Có 7 hình phạt chính và 7 hình phạt bổ sung

Câu 345. Trong các hình phạt của trách nhiệm hình sự:

A. Phạt tiền là hình phạt chính B. Phạt tiền là hình phạt bổ sung

C. Phạt tiền vừa là hình thức xử phạt chính vừa là hình thức xử phạt bổ sung

D. Tất cả đều sai

Câu 346. Hình phạt tịch thu tài sản:

A. Là hình phạt chính

B. Là hình phạt bổ sung

C. Vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung

D. Cả A, B và C đều sai

C. Có 2 biện pháp xử phạt chính và 2 biện pháp xử phạt bổ sung

D. Tất cả đều sai

Câu 339. Các biện pháp xử phạt chính trong các biện pháp xử phạt hành chính:

A. Phạt tiền, tước quyền sử dụng giấy phép

B. Phạt tiền, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

C. Tước quyền sử dụng giấy phép, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

D. Cảnh cáo, phạt tiền

Câu 340. Các biện pháp xử phạt bổ sung trong các biện pháp xử phạt hành chính:

A. Cảnh cáo, phạt tiền

B. Cảnh cáo, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

C. Tước quyền sử dụng giấy phép, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

D. Phạt tiền, tước quyền sử dụng giấy phép

Câu 341. Nguyên tắc xử phạt hành chính:

A. Áp dụng biện pháp xử phạt chính và biện pháp xử phạt bổ sung một cách độc lập

B. Áp dụng độc lập biện pháp xử phạt chính, và áp dụng phụ thuộc các biện pháp xử phạt bổ sung

C. Áp dụng độc lập các biện pháp xử phạt bổ sung, và áp dụng phụ thuộc các biện pháp xử phạt chính

D. Áp dụng phụ thuộc cả biện pháp xử phạt chính và cả biện pháp xử phạt bổ sung

Câu 342. Nguyên tắc áp dụng các hình phạt trong trách nhiệm hình sự:

A. Áp dụng hình phạt chính và hình phạt bổ sung một cách độc lập

B. Áp dụng độc lập hình phạt chính, và áp dụng phụ thuộc hình phạt bổ sung

B. Có tài sản độc lập với tài sản của tổ chức, cá nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; Nhân danh mình tham gia vào các QHPL một cách độc lập

C. Cả A và B đều đúng D. Cả A và B đều sai

Câu 352. Chủ thể quản lý nhà nước:

A. Mọi CQNN, những người có chức vụ cũng như mọi cán bộ, công chức, viên chức

B. TCXH, cơ quan xã hội

C. Công dân, người nước ngoài và người không quốc tịch

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 353. Chủ thể quản lý nhà nước:

A. Mọi CQNN, những người có chức vụ cũng như mọi cán bộ, công chức, viên chức

B. TCXH, cơ quan xã hội

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 354. Chủ thể quản lý nhà nước:

A. TCXH, cơ quan xã hội không quốc tịch

B. Công dân, người nước ngoài và người không quốc tịch

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 355. Trên một tờ báo có đưa tin: "Sáng ngày 20 tháng 6 năm 2008, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố các luật đã được thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XII.

A. Lệnh quyết

B. Quyết định

C. Luật

D. Nghị

Câu 356. Trên một tờ báo có đưa tin: "Sáng ngày 25 tháng 8 năm 2007, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố việc đặc xá cho phạm nhân đợt hai năm 2007.

Câu 347. Hình phạt cấm đảm nhiệm những chức vụ, làm những nghề hoặc công việc nhất định:

A. Là hình phạt chính.

B. Là hình phạt bổ sung

C. Vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung
đều sai

D. Cả A, B và C

Câu 348. Trong các hình phạt của trách nhiệm hình phạt:

A. Hình phạt cải tạo không giam giữ chính là án phạt tù treo
đúng

C. Cả A và B đều

B. Hình phạt cải tạo không giam giữ chính là hình phạt cảnh cáo
B đều sai

D. Cả A và

Câu 349. Trên một tờ báo có viết "Đến tháng 6 năm 2006, Chính phủ còn "nợ" của dân 200 VBPL", điều này có nghĩa là:

A. Chính phủ còn ban hành thiếu 200 đạo luật

B. Chính phủ còn ban hành thiếu 200 văn bản hướng dẫn (văn bản pháp quy)

C. Quốc hội còn ban hành thiếu 200 đạo luật
đều sai

D. Tất cả các câu trên

Câu 350. Phương pháp điều chỉnh của ngành luật dân sự có đặc điểm:

A. Bảo đảm sự bình đẳng về mặt pháp lý giữa các chủ thể

B. Bảo đảm quyền tự định đoạt của các chủ thể

C. Truy cứu trách nhiệm tài sản của những người có hành vi gây thiệt hại cho người khác nếu có đủ điều kiện quy định về việc bồi thường thiệt hại.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 351. Điều kiện để một tổ chức được coi là pháp nhân:

A. Được thành lập hợp pháp; Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ

A. Lệnh B. Chỉ thị C. Quyết định D. Nghị quyết

Câu 357. Trên một tờ báo có đưa tin: "Sáng ngày 25 tháng 8 năm 2007, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố việc đặc xá cho phạm nhân đợt hai năm 2007."

A. Lệnh B. Chỉ thị C. Cả A và B đều đúng D. Cả A và B đều sai

Câu 358. Trên một tờ báo có đưa tin: "Sáng ngày 25 tháng 8 năm 2007, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố việc cho phạm nhân đợt hai năm 2007."

A. Lệnh đại xá B. Chỉ thị đặc xá
C. Quyết định đặc xá D. Quyết định đại xá

Câu 359. Trên một tờ báo có đưa tin: "Sáng ngày 25 tháng 8 năm 2007, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố việc cho phạm nhân đợt hai năm 2007."

A. Lệnh đặc xá B. Quyết định đại xá
C. Cả A và B đều đúng D. Cả A và B đều sai

Câu 360. Hành vi vi phạm pháp luật:

A. Không bao giờ vi phạm đạo đức B. Có thể bao gồm cả vi phạm đạo đức

C. Cả A và B đều đúng D. Cả A và B đều sai

Câu 361. Hành vi vi phạm đạo đức:

A. Không bao giờ vi phạm pháp luật B. Có thể bao gồm cả vi phạm pháp luật

C. Cả A và B đều đúng D. Cả A và B đều sai

Câu 362. Hành vi vi phạm tôn giáo:

A. Không bao giờ vi phạm pháp luật

B. Có thể bao gồm cả vi phạm pháp luật

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 363. Hành vi vi phạm pháp luật:

A. Không bao giờ vi phạm tôn giáo

B. Có thể bao gồm cả vi phạm tôn giáo

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 364. Hành vi vi phạm tập quán:

A. Không bao giờ vi phạm pháp luật

B. Có thể bao gồm cả vi phạm pháp luật

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 365. Các vụ án hình sự:

A. Không bao giờ liên quan đến phần dân sự

B. Đa số liên quan đến phần dân sự

C. Luôn liên quan đến phần dân sự

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 366. Hành vi vi phạm pháp luật :

A. Không bao giờ vi phạm tập quán

B. Có thể bao gồm cả vi phạm tập quán

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 367. Hành vi vi phạm pháp luật:

A. Không bao giờ vi phạm quy tắc của các tổ chức xã hội

C. Cả A và B đều đúng

B. Có thể bao gồm cả vi phạm quy tắc của các tổ chức xã hội

D. Cả A và B đều sai

Câu 368. Hành vi vi phạm quy tắc của các tổ chức xã hội:

A. Không bao giờ vi phạm pháp luật

B. Có thể bao gồm cả vi phạm pháp luật

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 369. : Tòa án nhân dân có mấy cấp

A. 2 cấp: cấp tỉnh, cấp thành phố.

B. 2 cấp: cấp huyện, cấp tỉnh.

C. 3 cấp: cấp huyện, cấp tỉnh, cấp thành phố.

D. 3 cấp: cấp huyện, cấp tỉnh và tòa án nhân dân tối cao

Câu 370. Bản án kinh tế sơ thẩm của tòa chưa có hiệu lực thi hành trong thời gian bao lâu kể từ ngày được tuyên

A. 7 ngày

B. 10 ngày

C. 15 ngày

D. 20 ngày

Câu 371. Bản án của tòa đã có hiệu lực không thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm khi

A. Quyết định không phù hợp với những tình tiết chủ quan của vụ án

B. Có vi phạm nghiêm trọng trong thủ tục tố tụng

C. Có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật

D. Không có các trường hợp trên

Câu 372. Người có thẩm quyền kháng nghị

A. Chánh án tòa án ND tối cao, viện trưởng viện kiểm sát tối cao

B. Chánh án tòa án ND tối cao và cấp tỉnh, viện trưởng viện kiểm sát tối cao và cấp tỉnh

C. Chánh án tòa án ND cấp tỉnh

D. a và c đúng

Câu 373. Từ ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn khởi kiện, người khởi kiện có quyền khiếu nại với chánh án tòa án đã trả lại đơn khởi kiện trong

- A. 2 ngày B. 3 ngày C. 5 ngày D. 7 ngày

Câu 374. Trường hợp nào thì tòa có quyền ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án

A. Đương sự là tổ chức đã sát nhập mà đã có cá nhân, tổ chức... kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của tổ chức đó

B. Chấm dứt đại diện hợp pháp của đương sự mà đã xác định người thay thế

C. Một bên đương sự là cá nhân mất năng lực hành vi dân sự mà chưa xác định người đại diện

D. a, b, c đúng

Câu 375. Trường hợp nào thì tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án

A. Nguyên đơn hay bị đơn là cá nhân chết mà quyền và nghĩa vụ của họ chưa được thừa kế

B. Cơ quan bị giải thể, bị tuyên bố phá sản chưa có cá nhân hay tổ chức nào kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cơ quan đó

C. a, b đúng

D. a, b sai

Câu 376. Bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật chỉ có thể kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khi

A. Mới phát hiện được tình tiết quan trọng mà đương sự đã biết trong quá trình giải quyết vụ án

B. Có cơ sở chứng minh kết luận của người giám định không đúng sự thật

C. Thẩm phán cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án

D. a, b, c đúng

Câu 377. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của tòa án cấp sơ thẩm kể từ ngày tuyên án

A. 7 ngày

B. 15 ngày

C. 20 ngày

D. 21 ngày

Câu 378. Thời hạn kháng nghị theo thủ tục tái thẩm kể từ ngày người có thẩm quyền kháng nghị biết được căn cứ để kháng nghị là

A. 3 tháng

B. 6 tháng

C. 9 tháng

D. 12 tháng

Câu 379. Thời hạn chủ thể có quyền được khởi kiện đối với vụ án kinh tế là

A. 1 năm

B. 2 năm

C. 3 năm

D. Khác

Câu 380. Tòa án thực hiện chế độ bao nhiêu cấp xét xử

A. 1 cấp: thụ lý đơn kiện.

B. 2 cấp: sơ thẩm, phúc thẩm.

C. 3 cấp: sơ thẩm, phúc thẩm và tái phúc thẩm.

D. Cả 3 đều sai

Câu 381. Tòa án giải quyết tranh chấp theo nguyên tắc nào

A. Xét xử tập thể, quyết định theo đa số.

B. Ý kiến thẩm phán lãnh đạo.

C. Ý kiến Hội Đồng Nhân Dân lãnh đạo.

D. Cả 3 đều đúng.

Câu 382. Chọn đáp án đúng

A. Cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân cấp huyện không có bộ máy giúp việc.

B. Tòa kinh tế chỉ được tổ chức ở 2 cấp: trung ương và địa phương.

C. Phiên xét xử sơ thẩm các vụ án dân sự không cần Hội thẩm nhân dân tham gia.

D. Nhân viên tòa án không phải là công chức Nhà nước.

Câu 383. Cơ quan giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại có quyền xét xử cao nhất là

A. Ủy ban thẩm phán tòa án cấp tỉnh.

B. Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao.

C. Tòa kinh tế tòa án nhân dân tối cao.

D. Hội đồng thẩm phán toàn án nhân dân tối cao.

Câu 384. Các chủ thể tiến hành tố tụng gồm:

A. Người tiến hành tố tụng.

C. Cả a và b đều đúng.

B. Người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng.

D. Cả a và b đều sai.

Câu 385. Tranh chấp kinh doanh-thương mại là tranh chấp mang yếu tố:

C. Vật chất và giá trị tinh thần

C. Vật chất và lợi ích doanh nghiệp

D. Vật chất và thường có giá trị lớn

D. Lợi ích lớn

Câu 386. Cơ quan tiến hành tố tụng bao gồm:

E. Tòa án nhân dân và ủy ban thẩm phán

F. Tòa án nhân dân và hội đồng thẩm phán

G. Hội đồng thẩm phán và viện kiểm sát nhân dân

H. Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân.

Câu 387. Tòa kinh tế chỉ được tổ chức ở mấy cấp độ?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 388. Bản án kinh tế sơ thẩm của tòa án chưa có hiệu lực thi hành trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày được tuyên:

A. 10 ngày

B. 15 ngày

C. 20 ngày

D. 30 ngày

Câu 389. Tổng số thành viên hội đồng thẩm phán không quá bao nhiêu người?

A. 9

B. 13

C. 15

D. 17

Câu 390. Tổng số thành viên ủy ban thẩm phán không quá bao nhiêu người?

A. 9

B. 13

C. 15

D. 17

Câu 391. Điểm nào sau đây là yếu tố hấp dẫn nhất khiến các bên tranh chấp thường tìm đến phương thức giải quyết tranh chấp tòa án:

A. Tòa án giải quyết theo nguyên tắc xét xử công khai.

B. Việc giải quyết tranh chấp của tòa án phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định mang tính hình thức của pháp luật tố tụng.

Câu 396. Ở địa phương, tòa kinh tế được tổ chức ở:

A. Cấp huyện.

B. Cấp tỉnh.

C. Cấp tỉnh và cấp huyện.

D. Câu trả lời khác.

Câu 397. Tòa kinh tế được tổ chức ở mấy cấp:

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 398. Điều kiện về thời gian công tác thực tiễn để một người được bổ nhiệm làm thẩm phán tòa án nhân dân tỉnh là:

A. Là thẩm phán tòa án nhân dân cấp huyện ít nhất 5 năm.

C. a và b

B. Công tác pháp luật 10 năm trở lên.

D. a hoặc b

Câu 399. Nhiệm kỳ của hội thẩm tòa án nhân dân địa phương:

A. Theo nhiệm kỳ của quốc hội.

C. Không giới hạn

B. Theo nhiệm kỳ của hội đồng nhân dân cùng cấp

D. Tất cả đều sai

Câu 400. Nhiệm vụ, quyền hạn nào sau đây KHÔNG thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của hội thẩm nhân dân:

A. Nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa.

B. Chuẩn bị các công tác nghiệp vụ.

C. Đề nghị chánh án tòa án, thẩm phán ra quyết định.

D. Tham gia xét xử các vụ án dân sự.

Câu 401. Xét xử sơ thẩm những tranh chấp kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài là thuộc thẩm quyền của:

A. Tòa án nhân dân cấp huyện.

C. Tòa án nhân dân cấp tỉnh

B. Tòa án nhân dân tối cao

D. Tùy trường hợp

Câu 402. Nguyên tắc nào sau đây không là nguyên tắc đặc thù của việc giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại:

C. Việc giải quyết tranh chấp tại tòa án có thể qua nhiều cấp xét xử, đảm bảo cho quyết định của tòa án được chính xác, công khai, khách quan.

D. Phán quyết việc giải quyết tranh chấp của tòa án được bảo đảm thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước.

Câu 391. Cơ cấu tổ chức của tòa án nhân dân cấp huyện gồm có:

A. Ủy ban thẩm phán

B. Bộ máy giúp việc

C. Các tòa chuyên trách

D. Cả a, b, c

Câu 392. Nhiệm kỳ của thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, chánh án và thẩm phán TAND địa phương là:

A. 4 năm

B. 5 năm

C. 6 năm

D. 7 năm

Câu 393. Người tiến hành tố tụng nào do chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức:

A. Chánh án TAND tối cao, thẩm phán TAND tối cao

B. Thẩm phán TAND tối cao, viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao

C. Chánh án TAND tối cao, kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân tối cao

D. Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân tối cao

Câu 394. Việc xác định thẩm quyền của tòa án phải dựa trên nguyên tắc nào:

A. Xác định thẩm quyền của tòa án theo luật định.

B. Xác định thẩm quyền của tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn.

C. Xác định thẩm quyền của tòa án theo thỏa thuận của các bên tranh chấp.

D. Cả a, b, c.

Câu 395. Yếu tố nào giúp phân biệt tranh chấp kinh tế với các tranh chấp khác:

A. Yếu tố vật chất.

B. Lợi ích kinh tế.

C. a và b

D. a hoặc b

- A. Nguyên tắc tự định đoạt của đương sự.
- B. Nguyên tắc đương sự có nghĩa vụ chứng minh.
- C. Nguyên tắc tố cáo trong tố tụng dân sự.
- D. Nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự.

Câu 403. Giải quyết tranh chấp trong thương mại, nhà nước chỉ can thiệp khi:

- A. Các tranh chấp xâm phạm đến trật tự công cộng.
- B. Các chủ thể không tự thương lượng được với nhau.
- C. Có đơn yêu cầu cơ quan tài phán có thẩm quyền giải quyết
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 404. Số lượng thành viên hội đồng thẩm phán nhân dân tối cao tối đa là:

- A. 7 người.
- B. 10 người
- C. 15 người
- D. 17 người

